



Phụ lục VII

**DANH MỤC DỰ ÁN TỈNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH ĐIỀU CHỈNH  
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 109/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án				
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025	
	<b>TỔNG SỐ</b>			39.993.778	27.444.232	-	11.527.972	6.441.663	12.071.502	17.083.060	5.245.049	1.282.503	16.034.048	2.386.760	2.482.327	3.911.317	3.217.095	4.036.549	338	
A	VỐN HỖ TRỢ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ TRUNG TÂM VÙNG							28.000	28.000				28.000	28.000						
B	CÁC DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC NGÂN SÁCH TỈNH			21.040.420	17.662.118		5.997.397	3.677.016	7.457.630	11.801.046	4.823.169	899.887	11.380.912	753.244	1.519.491	3.021.875	2.705.058	3.381.244	295	
B.1	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025			8.091.812	5.346.550		5.290.410	3.009.915	2.167.831	2.720.616	744.594	229.177	2.683.248	663.263	708.326	515.954	355.536	440.169	143	
I	CHI TRẢ NỢ LÃI VAY, PHÍ CỦA CÁC DỰ ÁN ODA			-	-	-	-	-	12.588	6.728	43	9.332	3.300	-	1.600	1.700	-	-	3	
	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Dự án LRAMP)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	622/QĐ-BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ-BGTVT (15/6/17) 462/QĐ-BGTVT (07/4/22)	-	-	-	-	-	3.011	3.642		1.219	1.792	-	822	970	-	-	1	
	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn ngân hàng Thế giới (Dự án VILG)	Sở TNMT	1236/BTNMT (30/5/16); 1864/QĐ-UBND (7/9/16) 449/QĐ-UBND (04/3/22)	-	-	-	-	-	1.288	891		575	713	-	363	350	-	-	1	
	Dự án Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu (phần sử dụng vốn đư)	UBND huyện Hải Hậu	1522 (3/9/14) 587 (09/4/15) 477 (09/3/20)	-	-	-	-	-	752	1.295	43		795	-	415	380	-	-	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	Dự án "Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu" sử dụng vốn vay của Ngân hàng Châu Á (ADB)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	799/QĐ-TTg (04/7/23) 216/TB-UBND (06/9/23) 70/TT-UBND (24/6/24)	-				5.036	900		5.036	-	-	-	-	-			
	Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng theo hướng quản lý nước hiệu quả phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nông thôn (KEXIM2)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		-				1.849	-		1.849	-	-	-	-	-			
	Dự án Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi và người yếu thể chất lượng cao tỉnh Nam Định vay vốn của ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		-				653	-		653	-	-	-	-	-			
<b>II</b>	<b>QUY HOẠCH</b>			<b>48.358</b>	<b>48.358</b>	-	-	-	<b>38.200</b>	<b>38.358</b>	-	<b>2.214</b>	<b>35.986</b>	<b>4.435</b>	<b>8.551</b>	-	<b>10.000</b>	<b>13.000</b>	<b>1</b>
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<i>48.358</i>	<i>48.358</i>	-	-	-	<i>38.200</i>	<i>38.358</i>	-	<i>2.214</i>	<i>35.986</i>	<i>4.435</i>	<i>8.551</i>	-	<i>10.000</i>	<i>13.000</i>	<i>1</i>
	- Lập quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KH&ĐT	992/QĐ-TTg (10/7/20) 2850 (19/12/19) 2723 (12/11/20) 2962 (10/12/20) 746 (08/4/21)	48.358	48.358			38.200	38.358		2.214	35.986	4.435	8.551	-	10.000	13.000	1	
<b>III</b>	<b>ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA</b>			<b>52.329</b>	<b>52.329</b>	-	-	-	<b>21.976</b>	<b>28.526</b>	<b>3.500</b>	<b>8.119</b>	<b>17.357</b>	<b>1.564</b>	<b>7.500</b>	<b>4.793</b>	-	<b>3.500</b>	<b>5</b>
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<i>52.329</i>	<i>52.329</i>	-	-	-	<i>21.976</i>	<i>28.526</i>	<i>3.500</i>	<i>8.119</i>	<i>17.357</i>	<i>1.564</i>	<i>7.500</i>	<i>4.793</i>	-	<i>3.500</i>	<i>5</i>
	- Đối ứng dự án Giám sóng ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ nam Cồn Xanh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1226 (30/06/15) 2889 (12/12/16) 816/UBND-VP3 (25/9/17) 852 (25/4/24)	1.226	1.226			164	164		-	-	164	164	-	-	-	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Đối ứng dự án Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương(LRAMP)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	622/QĐ-BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ-BGTVT (15/6/17) 462/QĐ-BGTVT (07/4/22)	8.520	8.520				1.400	1.400	-	-	1.400	1.400	-	-	-	-	1
	- Đối ứng dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015-2020	Sở NN&PTNT	1225 (30/06/15) 2515 (06/11/17) 2885 (08/12/17) 851 (25/4/24)	10.524	10.524				269	269	3.500		3.769	-	-	269	-	3.500	1
	- Đối ứng dự án Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) phần vốn dự	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	622/QĐ-BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ-BGTVT (15/6/17) 462/QĐ-BGTVT (07/4/22)	11.720	11.720				11.720	11.720		5.196	6.524	-	2.000	4.524	-	-	1
	- Đối ứng dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn Ngân hàng Thế giới	Sở TNMT	1236/BTNMT (30/5/16); 1864/QĐ-UBND (7/9/16) 449/QĐ-UBND (04/3/22)	20.339	20.339				8.423	14.973		2.923	5.500	-	5.500	-	-	-	1
<b>IV</b>	<b>KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ</b>			<b>104.689</b>	<b>104.689</b>	-	<b>92.674</b>	<b>92.674</b>	<b>35.199</b>	<b>32.383</b>	-	<b>3.284</b>	<b>31.915</b>	<b>14.251</b>	<b>15.504</b>	<b>1.230</b>	<b>930</b>	-	<b>4</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<i>97.411</i>	<i>97.411</i>	-	<i>92.674</i>	<i>92.674</i>	<i>30.921</i>	<i>28.105</i>	-	<i>2.816</i>	<i>28.105</i>	<i>13.901</i>	<i>14.204</i>	-	-	-	<i>3</i>
<i>a.2</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</i>			<i>97.411</i>	<i>97.411</i>	-	<i>92.674</i>	<i>92.674</i>	<i>30.921</i>	<i>28.105</i>	-	<i>2.816</i>	<i>28.105</i>	<i>13.901</i>	<i>14.204</i>	-	-	-	<i>3</i>
	- Đầu tư xây dựng trại thực nghiệm công nghệ cao giống gia súc gia cầm đặc sản Hải Sơn	TT giống gia súc, gia cầm tỉnh	2850 (09/12/16) 289 (04/2/21)	63.580	63.580	2023 (21/9/21)	61.660	61.660	22.471	22.471	-	-	22.471	12.671	9.800	-	-	-	1
	- Xây dựng Sân giao dịch công nghệ, thiết bị và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Nam Định	Sở KH&CN	3117 (29/12/17)	5.596	5.596	184/QĐ-STC (30/12/21)	5.503	5.503	2.296	2.203		93	2.203	300	1.903	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng Trạm giống cây lâm nghiệp tại xã Nam Cường, huyện Nam Trực	Sở NN&PTNT	2244 (30/10/15) 1659 (06/8/21)	28.235	28.235	784 (26/4/22)	25.511	25.511	6.154	3.431		2.723	3.431	930	2.501	-	-		1
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>7.278</b>	<b>7.278</b>	-	-	-	<b>4.278</b>	<b>4.278</b>	-	<b>468</b>	<b>3.810</b>	<b>350</b>	<b>1.300</b>	<b>1.230</b>	<b>930</b>	-	<b>1</b>
	- Cải tạo, sửa chữa tòa nhà 9 tầng thuộc sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định	Sở KH&CN	152 (22/01/18) 322 (18/02/20)	7.278	7.278				4.278	4.278		468	3.810	350	1.300	1.230	930		1
<b>V</b>	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>			<b>195.114</b>	<b>172.894</b>	-	<b>191.407</b>	<b>169.187</b>	<b>61.178</b>	<b>62.042</b>	<b>1.382</b>	<b>933</b>	<b>61.627</b>	<b>12.098</b>	<b>48.147</b>	-	<b>666</b>	<b>716</b>	<b>15</b>
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>195.114</b>	<b>172.894</b>	-	<b>191.407</b>	<b>169.187</b>	<b>61.178</b>	<b>62.042</b>	<b>1.382</b>	<b>933</b>	<b>61.627</b>	<b>12.098</b>	<b>48.147</b>	-	<b>666</b>	<b>716</b>	<b>15</b>
<b>a.1</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</b>			<b>14.979</b>	<b>10.579</b>	-	<b>14.825</b>	<b>10.425</b>	<b>4.228</b>	<b>4.228</b>	-	-	<b>4.228</b>	<b>4.228</b>	-	-	-	-	<b>2</b>
	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Vũ Văn Hiếu, huyện Hải Hậu	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	2387 (29/10/18) 2650 (26/11/18)	14.979	10.579	3006 (31/12/19)	14.825	10.425	2.605	2.605		-	2.605	2.605	-	-	-	-	1
	- Hoàn ứng Dự án Cùm nhà ở sinh viên tập trung TPND	Sở Xây dựng	1341 (01/7/09)	-					1.623	1.623		-	1.623	1.623	-	-	-	-	1
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>158.004</b>	<b>140.404</b>	-	<b>154.753</b>	<b>137.153</b>	<b>56.950</b>	<b>56.017</b>	-	<b>933</b>	<b>56.017</b>	<b>7.870</b>	<b>48.147</b>	-	-	-	<b>11</b>
	- Xây dựng nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Khuyến, thành phố Nam Định	Trường THPT Nguyễn Khuyến	1099 (28/5/18) 2650 (26/11/18)	14.488	10.088	1759 (21/7/20)	13.991	9.591	2.691	2.691		-	2.691	550	2.141	-	-	-	1
	- Xây dựng nhà đa năng và cải tạo, nâng cấp nhà lớp học 2 tầng Trường THPT Mỹ Tho, huyện Ý Yên	Trường THPT Mỹ Tho	616 (30/3/17) 398 (25/2/21)	14.593	14.593	2424 (09/11/21)	14.302	14.302	352	352		-	352	-	352	-	-	-	1
	- Sửa chữa, cải tạo Trung tâm đào tạo vận động viên tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	1997 (13/9/18) 226 (30/01/20)	14.845	14.845	1760 (21/7/20)	14.535	14.535	1.900	1.900		-	1.900	750	1.150	-	-	-	1
	- Xây dựng nhà đa năng, cải tạo nâng cấp 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Văn Bảo, huyện Nam Trực	Trường THPT Trần Văn Bảo	1931 (05/9/18) 2650 (26/11/18)	14.853	10.453	951 (20/4/20)	14.732	10.332	6.162	6.162		-	6.162	1.240	4.922	-	-	-	1
	- Xây dựng nhà học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lý Nhân Tông, huyện Ý Yên	Trường THPT Lý Nhân Tông	2386 (29/10/18) 2650 (26/11/18)	14.959	10.559	2383 (23/9/20)	14.841	10.441	6.020	6.020		-	6.020	1.400	4.620	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Đỗ Huy Liệu, huyện Ý Yên	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2411 (30/10/19)	14.964	10.564	1651 (05/8/21)	14.564	10.164	8.164	8.164	-	-	8.164	560	7.604	-	-	-	1
	- Xây dựng nhà công vụ, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	Trường THPT Mỹ Lộc	2848 (13/12/18) 692 (30/3/20)	14.976	14.976	1650 (05/8/21)	14.763	14.763	8.993	8.993	-	-	8.993	740	8.253	-	-	-	1
	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ giáo viên, cải tạo nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ Trường THPT Xuân Trường B, huyện Xuân Trường	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	305 (31/01/19)	14.992	14.992	3163 (31/12/20)	14.769	14.769	11.119	11.119	-	-	11.119	1.710	9.409	-	-	-	1
	- Xây dựng nhà 3 tầng 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hoàng Văn Thụ, huyện Vụ Bản	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	1816 (27/8/18)	14.994	14.994	3000 (15/12/20)	14.849	14.849	1.419	1.419	-	-	1.419	300	1.119	-	-	-	1
	- Sửa chữa, cải tạo Trung tâm đào tạo vận động viên tỉnh Nam Định (Giai đoạn II)	Sở VH TT&DL	1677 (14/7/20)	9.996	9.996	35/QĐ-STC (12/4/22)	9.846	9.846	7.996	7.846	-	150	7.846	300	7.546	-	-	-	1
	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT An Phúc, huyện Hải Hậu	Trường THPT An Phúc	2185 (03/10/16)	14.344	14.344	896 (13/5/22)	13.561	13.561	2.134	1.351	-	783	1.351	320	1.031	-	-	-	1
<b>a.3</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</b>			<b>8.500</b>	<b>8.500</b>		<b>8.396</b>	<b>8.396</b>	-	<b>666</b>	<b>666</b>	-	<b>666</b>	-	-	-	<b>666</b>	-	<b>1</b>
	- Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT C Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Hưng	Trường THPT C Nghĩa Hưng	2323 (19/10/16) 2511 (29/12/22)	8.500	8.500	44/QĐ-STC (07/4/23)	8.396	8.396		666	666		666	-	-	-	666	-	1
<b>a.4</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2025</b>			<b>13.631</b>	<b>13.411</b>		<b>13.433</b>	<b>13.213</b>	-	<b>1.131</b>	<b>716</b>	-	<b>716</b>	-	-	-	-	<b>716</b>	<b>1</b>
	- Xây dựng Nhà tập đa năng, nhà công vụ giáo viên và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Văn Lan, huyện Mỹ Lộc	Trường THPT Trần Văn Lan	2273 (30/10/15) 1454 (26/7/23)	13.631	13.411	1418 (05/7/24)	13.433	13.213		1.131	716		716	-	-	-	-	716	1
<b>VI</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>			<b>2.410.135</b>	<b>909.598</b>	-	<b>1.886.498</b>	<b>620.270</b>	<b>403.390</b>	<b>392.383</b>	<b>11.791</b>	<b>87.664</b>	<b>327.517</b>	<b>113.019</b>	<b>161.049</b>	<b>19.249</b>	<b>27.500</b>	<b>6.700</b>	<b>37</b>
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>1.920.236</b>	<b>673.152</b>	-	<b>1.672.739</b>	<b>566.181</b>	<b>229.184</b>	<b>218.177</b>	<b>11.291</b>	<b>22.298</b>	<b>218.177</b>	<b>103.059</b>	<b>103.269</b>	<b>11.849</b>	-	-	<b>33</b>
<b>a.1</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</b>			<b>315.337</b>	<b>84.114</b>	-	<b>276.857</b>	<b>78.094</b>	<b>55.885</b>	<b>55.319</b>	-	<b>566</b>	<b>55.319</b>	<b>42.633</b>	<b>12.686</b>	-	-	-	<b>14</b>
	- Hoàn ứng dự án Nâng cấp hệ thống đê tả, hữu sông Sò tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1914 (22/9/10) 770 (6/5/14) 2156 (21/11/14) 1305 (24/6/16)	-					12.686	12.686	-	-	12.686	-	12.686	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Hoàn ứng Dự án Đầu tư xây dựng khẩn cấp kiên cố hóa mặt đê biển đoạn từ phà Thịnh Long đến cống Quận Vinh 1 (tương ứng K0-6+700) đê biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	90 (13/01/09); 1482 (22/7/10)	-				1.520	1.520	-	-	1.520	1.520	-	-	-	-	-	1
	- Hỗ trợ Xây dựng nhà kho dược liệu HTX trồng cây dược liệu xã Hải Lộc	HTX trồng cây dược liệu xã Hải Lộc	45a (27/11/20)	200	200	55 (30/12/20)	200	200	200	200	-	-	200	200	-	-	-	-	1
	- Nạo vét đoạn kênh tiêu T3 từ cầu Ốc đến bãi xe Đền Trần thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành	Công ty TNHH MTV KTCCTL Mỹ Thành	73 (14/01/19)	4.988	4.988	160/QĐ-STC (21/11/19)	4.706	4.706	2.246	2.246	-	-	2.246	2.246	-	-	-	-	1
	- Xứ lý cấp bách hư hỏng mái đê Phú Văn xã Hải Ninh, K39+000 - K39+500 đê tá Ninh - Hải Hậu do bão số 10 tháng 9 năm 2017 gây ra	Sở NN&PTNT	1074 (25/5/18)	8.000	2.000	105/QĐ-STC (24/9/19)	7.523	1.523	923	923	-	-	923	923	-	-	-	-	1
	- Xứ lý cấp bách sự cố kè Cồn Ba - Cồn Tư, tuyến đê Hữu Hồng, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	2634 (21/11/18)	9.000	3.000	223/QĐ-STC (26/12/19)	8.539	2.539	2.539	2.539	-	-	2.539	2.539	-	-	-	-	1
	- Xứ lý cấp bách một số sự cố xây ra do đợt mưa, lũ tháng 10 năm 2017 trên tuyến đê hữu Ninh và đê Thanh Hương, đê biển huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	1572 (26/7/18) 2987 (26/12/18)	11.836	2.836	2092 (27/9/19)	11.126	2.126	1.054	1.054	-	-	1.054	1.054	-	-	-	-	1
	- Xứ lý cấp bách kè Mặt Lãng đoạn từ K183+020 đến K183+640 và gia cố mặt đê đoạn từ K184+730 đến K185+240 đê hữu Hồng, huyện Trực Ninh	Sở NN&PTNT	2173 (25/9/17)	14.295	14.295	1820 (29/8/19)	12.767	12.767	1.100	1.100	-	-	1.100	1.100	-	-	-	-	1
	- Xứ lý khẩn cấp kè Hồng Hà đoạn từ K160+500 đến K161+320 đê hữu Hồng, huyện Mỹ Lộc	Sở NN&PTNT	2038 (07/9/17) 2502 (03/11/17)	14.500	14.500	1818 (29/8/19)	13.644	13.644	1.314	1.314	-	-	1.314	1.314	-	-	-	-	1
	- Xứ lý cấp bách mái đê phía sông đoạn K7+150 đến K7+190 và đoạn K14+500 đến K16+000 đê hữu Đào; Hoàn thiện gia cố mặt đê bê tông đoạn từ K0+700 đến K4+500 tuyến đê Đồng Tâm, huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	773 (12/4/18) 1202 (10/6/19)	14.900	6.900	2737 (09/12/19)	14.678	6.773	1.437	1.437	-	-	1.437	1.437	-	-	-	-	1
	- Xứ lý cấp bách một số đoạn đê xung yếu bị sự cố do mưa, lũ tháng 10 năm 2017 xây ra trên tuyến đê tá Đầy, huyện Ý Yên	Sở NN&PTNT	1445 (13/7/18)	14.900	1.900	983 (22/4/20)	14.116	1.116	516	516	-	-	516	516	-	-	-	-	1
	- Cứng hóa mặt đê bồi sông Đáy xã Yên Trị, Yên Đồng và Yên Nhân, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	3011 (25/12/17)	41.093	20.547	2994 (30/12/19)	39.847	19.923	17.573	17.573	-	-	17.573	17.573	-	-	-	-	1
	- Đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Xuân Thủy tỉnh Nam Định	Vườn QG Xuân Thủy	2669 (20/10/03) 2468 (23/10/09) 972 (28/5/15)	163.639	-	1575 (19/9/11) 1549 (06/9/14) 223 (02/02/16) 1663 (10/7/20)	132.198	302	302	302	-	-	302	302	-	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Nạo vét, kiên cố 03 tuyến kênh xã Yên Phong, thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên	Công ty TNHH MTV KTCCTL Ý Yên	1309 (26/6/18) 795 (16/4/19)	17.986	12.948	2525 (13/11/19)	17.513	12.475	12.475	11.909		566	11.909	11.909	-	-	-	-	1
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>1.525.962</b>	<b>562.459</b>	<b>-</b>	<b>1.326.541</b>	<b>460.950</b>	<b>165.219</b>	<b>143.661</b>	<b>- 0</b>	<b>21.558</b>	<b>143.661</b>	<b>58.596</b>	<b>85.065</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14</b>
	- Xử lý dứt xuất, cấp bách nứt gãy mặt đê một số đoạn bị hư hỏng nặng trên tuyến đê biển huyện Giao Thủy	Sở NN&PTNT	2349 (23/10/19)	2.000	1.550	73/QĐ-STC (26/6/20)	1.933	1.483	1.483	1.483	-	-	1.483	-	1.483	-	-	-	1
	- Xử lý cấp bách các hư hỏng bờ bao xã Yên Bằng, huyện Ý Yên bị nước tràn làm xói mặt và vỡ đê lũ sông Đáy ngày 11 tháng 10 năm 2017 gây ra	Sở NN&PTNT	1446 (13/7/18)	10.000	3.000	981 (22/4/20)	9.492	2.492	1.752	1.752	-	-	1.752	350	1.402	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2462 (31/10/17)	14.900	7.450	1647 (10/7/20)	14.588	7.188	2.748	2.748	-	-	2.748	980	1.768	-	-	-	1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	687 (30/3/20) 2249 (10/9/20)	14.996	14.996	2350 (28/10/21)	14.792	14.792	12.792	12.792	-	-	12.792	6.892	5.900	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng	UBND xã Nam Điền	2604 (21/11/19)	14.998	14.998	2622 (29/10/20) 30 (07/1/21)	14.878	14.878	4.872	4.872	- 0	0	4.872	2.850	2.022	-	-	-	1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Cổ Lễ - Cát Chừ (đoạn từ cầu Điện Biên đến Ngát Kéo) thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCCTL Nam Ninh	2160 (04/10/18) 2742 (10/12/19)	14.999	14.999	2352 (22/9/20)	14.576	14.576	7.276	7.276	-	-	7.276	2.470	4.806	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình đầu mối phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Giao Phong, huyện Giao Thủy	UBND xã Giao Phong	1422 (09/7/19)	14.999	14.999	2621 (29/10/20)	14.606	14.606	3.806	3.806	-	-	3.806	830	2.976	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng chuyên đổi nuôi trồng thủy sản xã Hải Chính, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	UBND xã Hải Chính	1741 (28/10/13) 1683 (27/8/15) 2972 (19/12/16)	45.915	17.035	458 (02/3/21)	45.499	16.619	7.629	7.629	-	-	7.629	1.380	6.249	-	-	-	1
	- Xử lý khẩn cấp đê kè Kiên Chính và hệ thống mô kè giữ bãi đoạn từ K10+460 đến K11+562, thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1144 (12/6/08) 679 (05/5/11); 729 (25/5/12) 2017 (26/9/16) 2516 (12/11/19)	288.672	52.492	2332 (19/12/13) 980 (22/4/20)	216.457	76.989	36.417	36.417	-	-	36.417	2.740	33.677	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025	
	- Nâng cấp khẩn cấp một số đoạn đê kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1088 (29/5/09); 426 (16/3/11) 1196 (1/7/14) 698 (22/4/15)	618.840	319.840	3089 (29/12/17)	527.547	229.697	2.157	2.157	-	-	2.157	-	2.157	-	-	-	1	
	- Củng cố, nâng cấp kênh C19 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	833 (22/4/19)	14.998	13.998	2038 (22/9/21)	14.712	13.712	13.712	13.712	-	-	13.712	6.400	7.312	-	-	-	1	
	- Kiên cố hóa kênh tưới Chính Nam Hữu Bị, thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Mỹ Thành	252 (22/1/09) 2043 (22/9/09) 3293 (30/12/09) 1332 (8/7/10)	70.745	22.202	3037 (10/12/07) 340 (08/02/21) 2056 (23/9/21)	64.067	15.524	11.200	11.200	-	-	11.200	300	10.900	-	-	-	1	
	- Xử lý cấp bách các công trình đê điều của tỉnh Nam Định bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017	Sở NN&PTNT	1051 (21/5/19) 1457 (15/7/19) 169 (17/01/20) 3141 (30/12/20)	239.900	39.900	2610 (03/12/21)	218.404	18.404	39.600	18.104		21.496	18.104	13.864	4.240	-	-	-	1	
	- Xử lý khẩn cấp đê, kè Quy Phú tương ứng K177++900 đến K180+050 đê hữu Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	2747 (29/11/17) 2269 (14/9/20) 2795 (20/12/21)	160.000	25.000	2374 (19/12/22)	154.990	19.990	19.775	19.713		62	19.713	19.540	173	-	-	-	1	
<b>a.3</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023</b>			<b>78.937</b>	<b>26.579</b>	-	<b>69.341</b>	<b>27.137</b>	<b>8.080</b>	<b>19.197</b>	<b>11.291</b>	<b>174</b>	<b>19.197</b>	<b>1.830</b>	<b>5.518</b>	<b>11.849</b>	-	-	<b>5</b>	
	- Kiên cố hóa kênh tưới KNB (đoạn từ K0 đến K2+878) thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Mỹ Thành	14 (05/01/17)	13.886	2.668	1600 (29/7/21)	6.717	2.668		2.668			2.668	2.668	-	-	2.668	-	-	1
	- Kiên cố hóa kênh KC01-1 thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Mỹ Thành	2447 (28/10/16)	4.664	1.481	1874/QĐ-STC (19/9/17)	4.309	1.481		1.481	1.481		1.481	-	-	1.481	-	-	1	
	- Kiên cố hóa kênh tưới KNA (từ cống KNA đến quốc lộ 21A) thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Mỹ Thành	2502 (23/11/15)	9.232	2.758	2091/QĐ-STC (01/10/18)	8.554	2.758		2.758	2.758		2.758	-	-	2.758	-	-	1	



Số TT	Danhs mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Cài tạo, nâng cấp kênh Quỹ Độ B (đoạn từ K0C0 đến K2C0) thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCCTL Ý Yên	509 (11/3/16) 2047 (07/9/17) 2691 (21/11/17) 1066 (06/5/20)	19.559	8.807	1665 (10/7/20)	18.382	8.807	1.523	5.907	4.384	5.907	320	1.203	4.384	-	1		
	- Dự án tu bổ đê điều thường xuyên năm 2014 tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	5416/QĐ-BNN-TCTL (18/12/14)	31.596	10.865	470/QĐ-PCTT-KHTC (31/8/22)	31.379	11.423	6.557	6.383	174	6.383	1.510	4.315	558	-	1		
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>238.900</b>	<b>65.447</b>	-	<b>79.770</b>	<b>100</b>	<b>59.447</b>	<b>59.447</b>	-	<b>42.127</b>	<b>17.320</b>	<b>860</b>	<b>12.480</b>	<b>2.000</b>	<b>1.980</b>	-	<b>2</b>
	- Chuyển đổi diện tích trồng lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản xã Yên Nhân, huyện Ý Yên (Quyết toán hạng mục)	UBND xã Yên Nhân	864 (04/5/09) 2112 (28/11/11) 1962 (30/10/14)	11.004	6.451	1324/QĐ-STC (14/10/11)	3.746	100	2.821	2.821	1.161	1.660	560	1.100	-	-	-	1	
	- Củng cố, xử lý trong điểm đê Tà Đáy từ K137+500 đến K169+500 huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (Quyết toán hạng mục)	UBND huyện Ý Yên	2926 (28/11/07) 441 (27/2/09) 1042 (22/5/09) 2332 (14/10/09) 1559A (15/9/11) 1939 (09/9/24)	227.896	58.996	2359 (26/10/18)	76.024		56.626	56.626	40.966	15.660	300	11.380	2.000	1.980		1	
<b>c</b>	<b>Các công trình chuyển tiếp</b>			<b>250.999</b>	<b>170.999</b>	-	<b>133.989</b>	<b>53.989</b>	<b>114.759</b>	<b>114.759</b>	<b>500</b>	<b>23.239</b>	<b>92.020</b>	<b>9.100</b>	<b>45.300</b>	<b>5.400</b>	<b>25.520</b>	<b>6.700</b>	<b>2</b>
	- Xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cửa Ninh Cơ, huyện Nghĩa Hưng (Quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	736 (6/4/10) 764 (07/5/15) 631/UBND-VP3 (27/8/18) 2521 (29/12/22)	214.854	134.854	1208 (02/6/17)	98.798	18.798	114.759	114.759	23.239	91.520	9.100	45.300	5.400	25.520	6.200	1	
	- Nạo vét, kiên cố hóa sông Sinh (đoạn qua xã Yên Bình), huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (Quyết toán khối lượng công việc hoàn thành)	UBND huyện Ý Yên	2456 (31/10/16) 1940 (09/9/24)	36.145	36.145	3044 (27/12/18)	35.191	35.191			500	500	-	-	-	-	500	1	
<b>VII</b>	<b>GIAO THÔNG</b>			<b>2.105.046</b>	<b>1.344.939</b>	-	<b>1.868.351</b>	<b>1.304.727</b>	<b>487.031</b>	<b>451.631</b>	<b>1.447</b>	<b>51.892</b>	<b>436.586</b>	<b>202.094</b>	<b>176.996</b>	<b>53.990</b>	<b>3.506</b>	-	<b>33</b>
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>1.779.388</b>	<b>1.138.509</b>	-	<b>1.678.845</b>	<b>1.115.221</b>	<b>472.125</b>	<b>434.782</b>	<b>143</b>	<b>37.486</b>	<b>434.782</b>	<b>201.290</b>	<b>175.996</b>	<b>53.990</b>	<b>3.506</b>	-	<b>31</b>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
<b>a.1</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</b>			<b>1.274.104</b>	<b>718.090</b>	-	<b>1.218.371</b>	<b>735.194</b>	<b>247.414</b>	<b>247.416</b>	<b>2</b>	-	<b>247.416</b>	<b>147.830</b>	<b>99.586</b>	-	-	-	<b>16</b>
	- Hoàn ứng Dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào - QL21B (phía Đông Nam TPND), tỉnh Nam Định	Sở GTVT	1330 (9/7/15) 1977 (5/10/15) 2569 (02/12/15)	-					6.110	6.110	-	-	6.110	6.110	-	-	-	-	1
	- Hoàn ứng Dự án Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 486B (đường 56 cũ)	Sở GTVT	1855 (23/11/12) 498 (9/4/13) 1863 (8/11/13)	-					25.456	25.456	-	-	25.456	25.456	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Trực Ninh (đoạn từ công chợ Sờ đến Tỉnh lộ 488B và tuyến nhánh)	UBND huyện Trực Ninh	1676 (09/8/18)	9.988	9.988	181/QĐ-STC (29/11/19)	9.670	9.670	6.120	6.120	-	-	6.120	6.120	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Vĩnh Tứ đến nhà văn hóa thôn An Song xã Yên Tân, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1949 (07/9/18)	9.995	9.995	150/QĐ-STC (12/11/19)	9.742	9.742	6.222	6.222	-	-	6.222	6.222	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Xuân Thủy - Nam Điền, huyện Xuân Trường (đoạn từ Km0+000 đến Km2+600)	UBND Huyện Xuân Trường	1862 (31/8/18)	10.764	3.229	2258 (14/10/19)	10.158	2.623	1.479	1.479	-	-	1.479	1.479	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	957 (20/4/20)	12.995	6.498	2392 (04/11/21)	12.698	6.350	300	300	-	-	300	300	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Văn Nam, huyện Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	1263 (08/6/17) 515 (14/3/18)	13.735	13.735	1075 (24/5/19)	12.785	12.785	6.195	6.195	-	-	6.195	6.195	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Trực Ninh (đoạn từ cầu Gai đến chợ Giá)	UBND huyện Trực Ninh	2323 (16/10/17) 2047 (19/9/18)	14.900	14.900	2257 (14/10/19)	14.751	14.751	8.001	8.001	-	-	8.001	8.001	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Liên Bảo, huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	667 (29/3/18) 2761 (06/12/18)	14.995	14.995	2563 (18/11/19)	14.868	14.868	9.718	9.718	-	-	9.718	9.718	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng 02 khu tái định cư xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào - QL21B (phía đông Nam Tp Nam Định), tỉnh Nam Định	UBND huyện Nam Trực	2149 (23/10/15) 2476 (20/11/15) 1328 (27/6/16)	17.134	10.500	2886 (20/12/19)	15.919	15.919	11.699	11.699	-	-	11.699	4.529	7.170	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trung Đông - Trục Tuấn, huyện Trục Ninh	UBND huyện Trục Ninh	1981 (31/10/14) 1150 (05/6/18)	42.632	42.632	2562 (18/11/19)	37.590	37.590	22.011	22.011	-	-	22.011	22.011	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Hòa, huyện Hải Hậu - Giai đoạn II	UBND huyện Hải Hậu	2371 (10/11/10) 208 (01/2/16) 1795 (23/8/18) 2368 (26/10/18)	50.963	50.963	987 (14/5/19)	50.963	50.963	21.992	21.992	-	-	21.992	21.992	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Vàng, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	758 (17/4/09) 165 (21/01/14) 208 (26/01/18)	139.719	730	1514 (20/7/18)	139.166	20.008	17.078	17.078	-	-	17.078	17.078	-	-	-	-	-	1
	- Mở rộng, nâng cấp tỉnh lộ 490C2 (đường 55 cũ) đoạn từ S2 đến Nam Điền (Km3+540 đến Km55+500) và đoạn từ Km40 đến phà Thịnh Long, tỉnh Nam Định	Sở GTVT	2648 (12/12/08) 1066 (27/5/09) 610 (7/5/12) 1302 (10/9/12) 1287 (21/7/14)	936.284	539.925	2280 (17/10/18)	890.061	539.925	12.619	12.619	-	-	12.619	12.619	-	-	-	-	-	1
	- Hoàn ứng Dự án Xây dựng cầu Thịnh Long thuộc tuyến đường bộ ven biển	BQL dự án Thăng Long (Bộ GTVT)	688/QĐ-BGTVT (25/02/15)	-	-	-	-	-	28.344	28.345	1	-	28.345	-	28.345	-	-	-	-	1
	- Hoàn ứng Dự án Xây dựng tỉnh lộ 489C đoạn từ nút giao QL21 (cầu Lạc Quần) đến cầu Sa Cao, huyện Xuân Trường	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1115 (27/5/16) 430 (13/02/18) 1577 (27/7/18)	-	-	-	-	-	64.070	64.071	1	-	64.071	-	64.071	-	-	-	-	1
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>293.452</b>	<b>274.455</b>	<b>-</b>	<b>262.775</b>	<b>247.073</b>	<b>101.556</b>	<b>76.812</b>	<b>-</b>	<b>24.744</b>	<b>76.812</b>	<b>14.816</b>	<b>61.996</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10</b>
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Nghĩa Thịnh đoạn từ chợ Hải Lạng đến sông Thành Đông, huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	1244 (25/5/20)	9.826	9.826	160/QĐ-STC (03/10/21)	9.202	9.202	7.202	7.202	-	-	7.202	300	6.902	-	-	-	-	1
	- Xây dựng cầu Gai trên đường Nam Ninh Hải, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	1503 (19/7/18)	13.316	13.316	2380 (23/9/20)	12.557	12.557	9.187	9.187	-	-	9.187	1.850	7.337	-	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 37B đến cụm công nghiệp Thịnh Lâm, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2007 (20/9/19) 1460 (19/6/20)	14.767	14.767	2675 (06/11/20)	13.850	13.850	11.550	11.550	-	-	11.550	1.750	9.800	-	-	1	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cứu hộ và phòng chống lụt bão xã Giao Tiến, xã Giao Tân ra đê tả sông Sò, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2395 (29/10/18) 476 (11/3/19)	14.990	10.493	2350 (22/9/20)	14.777	10.344	7.242	7.242	-	-	7.242	1.660	5.582	-	-	1	
	- Cải tạo, nâng cấp đường nối từ Khu công nghiệp Mỹ Trung đến QL38B, huyện Mỹ Lộc	UBND huyện Mỹ Lộc	2336 (24/10/18)	14.992	14.992	2378 (23/9/20)	14.854	14.854	11.954	11.954	-	-	11.954	2.400	9.554	-	-	1	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường trục vùng nuôi trồng thủy sản xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Hưng đến tuyến đường trục phát triển nổi Vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1989 (13/8/20) 457 (02/3/21)	8.999	8.999	165/QĐ-STC (05/11/21)	8.785	8.785	6.999	6.785		214	6.785	300	6.485	-	-	1	
	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 485 (57A cũ) đoạn chợ Huyện - Phú Cầu - Cỏ Đam huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	UBND huyện Ý Yên	2273 (29/10/10) 1018 (24/6/13) 2075 (26/11/13) 2210 (05/10/16)	174.179	170.179	2934 (31/12/21)	147.876	146.876	23.839	526		23.313	526	526	-	-	-	1	
	- Xây dựng đường kết nối từ QL38B đến đường trục xã Yên Dương, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1360 (28/6/19) 739/UBND-VP5 (05/10/21)	12.746	12.746	2000 (31/10/22)	12.298	12.298	9.446	9.059		387	9.059	5.430	3.629	-	-	1	
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	1457 (19/6/20)	14.638	11.638	1999 (31/10/22)	14.037	11.037	9.638	9.037		601	9.037	300	8.737	-	-	1	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đại lộ Thiên Trường vào UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc	UBND huyện Mỹ Lộc	2972 (27/12/19) 39 (08/01/21)	14.999	7.499	878 (11/5/22)	14.539	7.270	4.499	4.270		229	4.270	300	3.970	-	-	1	
<b>a.3</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023</b>			<b>122.127</b>	<b>93.777</b>	<b>-</b>	<b>109.435</b>	<b>81.621</b>	<b>87.937</b>	<b>75.781</b>	<b>-</b>	<b>12.156</b>	<b>75.781</b>	<b>16.240</b>	<b>7.151</b>	<b>52.390</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3</b>
	- Cải tạo, nâng cấp đường Tam Thanh - Yên Lương	UBND huyện Vụ Bản	382 (25/02/19) 946 (19/5/22)	39.678	39.678	2553 (30/12/22)	35.268	35.268	37.378	32.968		4.410	32.968	5.300	1.700	25.968	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ đường 63B xã Mỹ Hà đến đê La xã Mỹ Tiến)	UBND huyện Mỹ Lộc	381 (25/02/19) 945 (19/5/22)	41.949	41.949	2549 (30/12/22)	34.432	34.432	39.649	32.132		7.517	32.132	10.370	3.051	18.711	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Chính - Phong huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1131 (01/6/18) 2910 (19/12/18) 1959 (27/10/22)	40.500	12.150	2406 (22/12/22)	39.735	11.921	10.910	10.681	229	10.681	570	2.400	7.711	-	-	1	
<b>a.4</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</b>			<b>89.705</b>	<b>52.187</b>	-	<b>88.264</b>	<b>51.333</b>	<b>35.218</b>	<b>34.773</b>	<b>141</b>	<b>586</b>	<b>34.773</b>	<b>22.404</b>	<b>7.263</b>	<b>1.600</b>	<b>3.506</b>	-	<b>2</b>
	- Cải tạo, nâng cấp đường Vô Tình - Văn Lai huyện Trực Ninh (đoạn từ cầu Vô Tình đến UBND xã Phương Định)	UBND huyện Trực Ninh	2306 (18/10/16) 382 (09/02/18)	14.669	14.669	764 (19/4/23)	14.401	14.401		141	141	141	-	-	-	141	-	1	
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Nam Trực (đoạn từ đường Vàng đến cầu Gai)	UBND huyện Nam Trực	2370 (26/10/18) 248 (28/01/21) 2463 (12/11/21) 2941 (31/12/21) 1032 (24/5/23)	75.036	37.518	2160 (31/10/23)	73.863	36.932	35.218	34.632	586	34.632	22.404	7.263	1.600	3.365	-	1	
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>325.658</b>	<b>206.430</b>	-	<b>189.506</b>	<b>189.506</b>	<b>14.906</b>	<b>16.849</b>	<b>1.304</b>	<b>14.406</b>	<b>1.804</b>	<b>804</b>	<b>1.000</b>	-	-	-	<b>2</b>
	- Cải tạo, nâng cấp đường Thành - Xá huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	2834 (08/12/16) 1633 (03/8/18) 629 (29/3/19) 1262 (15/7/22) 1756 (19/8/24)	121.246	2.018					1.304	1.304	1.304	804	500	-	-	-	1	
	- Cải tạo, nâng cấp đường 57B huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (QT khối lượng công việc hoàn thành)	UBND huyện Ý Yên	2691 (31/12/14) 1671 (26/8/15) 1374 (01/7/16) 774 (18/4/17) 68 (12/01/21) 922 (17/5/22)	204.412	204.412	3064 (28/12/18)	189.506	189.506	14.906	15.545		14.406	500	-	500	-	-	1	
<b>VIII</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>			<b>191.071</b>	<b>171.781</b>	-	<b>184.989</b>	<b>166.333</b>	<b>91.499</b>	<b>90.393</b>	-	<b>1.106</b>	<b>90.393</b>	<b>52.162</b>	<b>31.937</b>	<b>880</b>	<b>5.414</b>	-	<b>12</b>
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>191.071</b>	<b>171.781</b>	-	<b>184.989</b>	<b>166.333</b>	<b>91.499</b>	<b>90.393</b>	-	<b>1.106</b>	<b>90.393</b>	<b>52.162</b>	<b>31.937</b>	<b>880</b>	<b>5.414</b>	-	<b>12</b>

Số TT	Danhs mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025	
<b>a.1</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</b>			<b>52.004</b>	<b>52.004</b>	-	<b>50.762</b>	<b>50.762</b>	<b>26.272</b>	<b>26.272</b>	-	-	<b>26.272</b>	<b>26.272</b>	-	-	-	-	-	<b>5</b>
	- Cải tạo, nâng cấp, lắp đặt thiết bị nhà khách UBND tỉnh phục vụ trung tâm hành chính công tỉnh Nam Định	VP UBND tỉnh	1152 (05/6/19)	3.624	3.624	45/QĐ-STC (31/3/20)	3.356	3.356	1.056	1.056	-	-	1.056	1.056	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	1987 (12/8/20)	3.926	3.926	156/QĐ-STC (30/12/20)	3.887	3.887	2.887	2.887	-	-	2.887	2.887	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	2553 (08/11/17) 2190 (05/10/18)	6.999	6.999	63/QĐ-STC (26/6/19)	6.690	6.690	2.590	2.590	-	-	2.590	2.590	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	449 (06/3/19)	14.188	14.188	2542 (14/11/19)	13.794	13.794	9.064	9.064	-	-	9.064	9.064	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng mới nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Nam Định	Hội LHPN tỉnh	2193 (27/9/17)	23.267	23.267	2543 (14/11/19)	23.035	23.035	10.675	10.675	-	-	10.675	10.675	-	-	-	-	-	1
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>96.167</b>	<b>76.877</b>	-	<b>92.433</b>	<b>73.777</b>	<b>37.327</b>	<b>37.327</b>	-	-	<b>37.327</b>	<b>5.890</b>	<b>31.437</b>	-	-	-	-	<b>6</b>
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1638 (09/7/20)	6.859	6.859	110/QĐ-STC (07/7/21)	6.707	6.707	4.707	4.707	-	-	4.707	300	4.407	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Huyện ủy và xây dựng nhà khách huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	2423 (31/10/18)	10.992	7.694	2918 (08/12/20)	10.342	7.240	6.300	6.300	-	-	6.300	1.020	5.280	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	2422 (31/10/18)	13.402	9.380	2915 (08/12/20)	12.661	8.863	7.723	7.723	-	-	7.723	1.250	6.473	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	1368 (02/7/18) 2064 (25/9/19)	14.934	10.454	1736 (17/7/20)	14.440	10.108	8.948	8.948	-	-	8.948	1.810	7.138	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa trung tâm huyện, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trụ sở Huyện ủy Mỹ Lộc và các hạng mục phụ trợ	UBND huyện Mỹ Lộc	351 (21/02/20)	14.980	7.490	3162 (31/12/20)	14.848	7.424	7.424	7.424	-	-	7.424	1.140	6.284	-	-	-	-	1
	- Xây dựng Trụ sở làm việc 5 tầng, các hạng mục phụ trợ Đảng ủy khối doanh nghiệp và Đảng ủy khối cơ quan tỉnh Nam Định	VP Tỉnh ủy	536 (15/3/17) 1197 (21/5/20)	35.000	35.000	2913 (08/12/20)	33.435	33.435	2.225	2.225	-	-	2.225	370	1.855	-	-	-	-	1
<b>a.4</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</b>			<b>42.900</b>	<b>42.900</b>	-	<b>41.794</b>	<b>41.794</b>	<b>27.900</b>	<b>26.794</b>	-	<b>1.106</b>	<b>26.794</b>	<b>20.000</b>	<b>500</b>	<b>880</b>	<b>5.414</b>	-	<b>1</b>	
	- Xây dựng Trung tâm phục vụ hành chính công - Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1540 (30/6/20) 2812 (21/12/21)	42.900	42.900	2023 (16/10/23)	41.794	41.794	27.900	26.794	1.106	1.106	26.794	20.000	500	880	5.414	-	1	
<b>IX</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>			<b>1.890.406</b>	<b>1.623.411</b>	-	<b>397.899</b>	<b>130.904</b>	<b>632.929</b>	<b>1.231.545</b>	<b>713.000</b>	<b>1.384</b>	<b>1.344.545</b>	<b>109.624</b>	<b>121.921</b>	<b>413.000</b>	<b>300.000</b>	<b>400.000</b>	<b>5</b>	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>135.169</b>	<b>130.169</b>	-	<b>126.671</b>	<b>121.671</b>	<b>32.929</b>	<b>31.545</b>	-	<b>1.384</b>	<b>31.545</b>	<b>9.624</b>	<b>21.921</b>	-	-	-	<b>4</b>
<b>a.1</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</b>			<b>80.524</b>	<b>80.524</b>		<b>78.433</b>	<b>78.433</b>	<b>1.613</b>	<b>1.613</b>	-	-	<b>1.613</b>	<b>1.613</b>	-	-	-	-	<b>1</b>
	- Xây dựng Nhà điều trị 7 tầng và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện mắt tỉnh Nam Định	Bệnh viện Mắt Định	1397 (12/8/14)	80.524	80.524	2423 (31/10/19)	78.433	78.433	1.613	1.613	-	-	1.613	1.613	-	-	-	-	1
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>54.645</b>	<b>49.645</b>	-	<b>48.238</b>	<b>43.238</b>	<b>31.316</b>	<b>29.932</b>	-	<b>1.384</b>	<b>29.932</b>	<b>8.011</b>	<b>21.921</b>	-	-	-	<b>3</b>
	- Xây dựng nhà kỹ thuật nghiệp vụ và phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Xuân Trường	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1400 (05/7/19)	14.942	9.942	3161 (31/12/20)	14.612	9.612	7.012	7.012	-	-	7.012	1.110	5.902	-	-	-	1
	- Xây dựng cơ sở xạ trị - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1882 (22/10/14) 75/UBND-VP5 (24/01/18) 576/UBND-VP5 (26/9/19)	24.724	24.724	2423 (09/11/21)	18.865	18.865	11.519	11.519	-	-	11.519	1.700	9.819	-	-	-	1
	- Xây dựng nhà điều trị bệnh nhân khoa Cấp cứu 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1776 (22/7/20)	14.979	14.979	2800 (21/12/21)	14.761	14.761	12.785	11.401		1.384	11.401	5.201	6.200	-	-	-	1
<b>c</b>	<b>Các công trình chuyển tiếp</b>			<b>1.755.237</b>	<b>1.493.242</b>	-	<b>271.228</b>	<b>9.233</b>	<b>600.000</b>	<b>1.200.000</b>	<b>713.000</b>	-	<b>1.313.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>413.000</b>	<b>300.000</b>	<b>400.000</b>	<b>1</b>
	- Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	577 (27/2/06); 2739 (20/11/09) 2170 (01/9/20) 492 (14/3/24)	1.755.237	1.493.242	2450 (22/12/14) 983 (14/5/19) 1491 (19/7/19)	271.228	9.233	600.000	1.200.000	713.000		1.313.000	100.000	100.000	413.000	300.000	400.000	1
<b>X</b>	<b>VĂN HÓA</b>			<b>305.139</b>	<b>271.692</b>	-	<b>226.072</b>	<b>217.495</b>	<b>55.660</b>	<b>55.660</b>	<b>3.000</b>	<b>6.951</b>	<b>51.709</b>	<b>32.235</b>	<b>3.104</b>	<b>4.330</b>	<b>3.240</b>	<b>8.800</b>	<b>4</b>
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>28.187</b>	<b>940</b>		<b>12.221</b>	<b>3.644</b>	<b>2.404</b>	<b>2.404</b>	-	-	<b>2.404</b>	<b>300</b>	<b>2.104</b>	-	-	-	<b>1</b>
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>28.187</b>	<b>940</b>		<b>12.221</b>	<b>3.644</b>	<b>2.404</b>	<b>2.404</b>	-	-	<b>2.404</b>	<b>300</b>	<b>2.104</b>	-	-	-	<b>1</b>
	- Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa Đền Gin, xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	1559 (1/10/13) 396/UBND-VP5 (14/6/17)	28.187	940	2291 (17/10/19)	12.221	3.644	2.404	2.404	-	-	2.404	300	2.104	-	-	-	1
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>276.952</b>	<b>270.752</b>	-	<b>213.851</b>	<b>213.851</b>	<b>53.256</b>	<b>53.256</b>	<b>3.000</b>	<b>6.951</b>	<b>49.305</b>	<b>31.935</b>	<b>1.000</b>	<b>4.330</b>	<b>3.240</b>	<b>8.800</b>	<b>3</b>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Khai quật, thăm dò khảo cổ học thực hiện dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2715 (31/12/14) 1265 (28/6/23)	7.561	7.561			5.361	5.361		561	4.800	300	-	2.500	500	1.500	1	
	- Tu bổ, tôn tạo di tích đền, chùa Kiên Lao - xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	1654 (23/9/14) 327 (15/2/22)	24.205	18.005			16.560	16.560		6.390	10.170	300	1.000	1.830	2.740	4.300	1	
	- Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định (Trong đó: KH vốn năm 2021 hoàn ứng Quỹ PT đất là 31,335 tỷ đồng; Năm 2024 đã quyết toán dự án thành phần: Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật với số vốn còn thiếu so với giá trị QT là 4,553 tỷ đồng)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	252 (12/10/05) 2471 (25/10/07)	245.186	245.186	1464 (11/7/24)	213.851	213.851	31.335	31.335	3.000	-	34.335	31.335			3.000	1	
<b>XI</b>	<b>THỂ DỤC, THỂ THAO</b>			<b>16.085</b>	<b>16.085</b>	-	<b>15.718</b>	<b>15.718</b>	<b>8.118</b>	<b>8.118</b>	-	-	<b>8.118</b>	<b>8.118</b>	-	-	-	<b>1</b>	
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<i>16.085</i>	<i>16.085</i>	-	<i>15.718</i>	<i>15.718</i>	<i>8.118</i>	<i>8.118</i>	-	-	<i>8.118</i>	<i>8.118</i>	-	-	-	<i>1</i>	
<i>a.1</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</i>			<i>16.085</i>	<i>16.085</i>		<i>15.718</i>	<i>15.718</i>	<i>8.118</i>	<i>8.118</i>	-	-	<i>8.118</i>	<i>8.118</i>	-	-	-	<i>1</i>	
	- Sửa chữa, cải tạo Sân vận động Thiên Trường	Sở VH TT&DL	750 (11/4/18) 2189 (05/10/18)	16.085	16.085	972 (10/5/19)	15.718	15.718	8.118	8.118	-	-	8.118	8.118	-	-	-	1	
<b>XII</b>	<b>PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN</b>			<b>32.931</b>	<b>7.880</b>	-	<b>30.197</b>	<b>7.765</b>	<b>6.145</b>	<b>6.145</b>	-	-	<b>6.145</b>	<b>2.561</b>	<b>3.584</b>	-	-	<b>2</b>	
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<i>32.931</i>	<i>7.880</i>	-	<i>30.197</i>	<i>7.765</i>	<i>6.145</i>	<i>6.145</i>	-	-	<i>6.145</i>	<i>2.561</i>	<i>3.584</i>	-	-	<i>2</i>	
<i>a.1</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</i>			<i>27.932</i>	<i>2.881</i>		<i>25.313</i>	<i>2.881</i>	<i>2.261</i>	<i>2.261</i>	-	-	<i>2.261</i>	<i>2.261</i>	-	-	-	<i>1</i>	
	- Mua sắm nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật cho Trung tâm Phát thanh - Truyền hình tỉnh Nam Định	Đài PTTH	2442 (28/10/16) 122 (13/01/17)	27.932	2.881	1471 (16/7/19)	25.313	2.881	2.261	2.261	-	-	2.261	2.261	-	-	-	1	
<i>a.2</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</i>			<i>4.999</i>	<i>4.999</i>		<i>4.884</i>	<i>4.884</i>	<i>3.884</i>	<i>3.884</i>	-	-	<i>3.884</i>	<i>300</i>	<i>3.584</i>	-	-	<i>1</i>	
	- Cải tạo, nâng cấp và sửa chữa Trung tâm kỹ thuật Phát thanh và Truyền hình tỉnh Nam Định	Đài PTTH	1926 (04/8/20) 2419 (30/9/20)	4.999	4.999	128/QĐ-STC (11/8/21)	4.884	4.884	3.884	3.884	-	-	3.884	300	3.584	-	-	1	
<b>XIII</b>	<b>QUỐC PHÒNG</b>			<b>385.282</b>	<b>385.282</b>	-	<b>94.383</b>	<b>94.383</b>	<b>183.163</b>	<b>182.312</b>	-	<b>49.928</b>	<b>133.235</b>	<b>61.402</b>	<b>64.114</b>	<b>559</b>	<b>1.660</b>	<b>5.500</b>	<b>8</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<i>96.126</i>	<i>96.126</i>	-	<i>94.383</i>	<i>94.383</i>	<i>67.533</i>	<i>66.682</i>	-	<i>851</i>	<i>66.682</i>	<i>36.568</i>	<i>30.114</i>	-	-	-	<i>6</i>
<i>a.1</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</i>			<i>13.171</i>	<i>13.171</i>		<i>12.922</i>	<i>12.922</i>	<i>6.992</i>	<i>6.992</i>	-	-	<i>6.992</i>	<i>6.992</i>	-	-	-	<i>1</i>	
	- Xây dựng trạm kiểm soát Biên phòng Hà Lạn thuộc Đồn Biên phòng Quất Lâm (88), Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	BCH BĐBP tỉnh	1388 (04/7/18) 1011 (16/5/19)	13.171	13.171	2541 (14/11/19)	12.922	12.922	6.992	6.992	-	-	6.992	6.992	-	-	-	1	



Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>82.955</b>	<b>82.955</b>	-	<b>81.461</b>	<b>81.461</b>	<b>60.541</b>	<b>59.690</b>	-	<b>851</b>	<b>59.690</b>	<b>29.576</b>	<b>30.114</b>	-	-	-	<b>5</b>
	- Xây mới nhà ăn, nhà bếp, khán đài và cải tạo nâng cấp nhà ở Đại đội Trinh sát thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	834 (22/4/19)	14.990	14.990	2676 (06/11/20)	14.657	14.657	6.486	6.486	-	-	6.486	1.750	4.736	-	-	-	1
	- Xây mới và cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình thuộc cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	1990 (13/8/20) 2263 (11/9//20) 1142 (31/5/21)	14.998	14.998	2119 (01/10/21)	14.725	14.725	7.725	7.725	-	-	7.725	300	7.425	-	-	-	1
	- Cải tạo và xây dựng một số hạng mục Đại đội huấn luyện, cơ động thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	BCH BDBP tỉnh	2213 (09/10/19)	14.999	14.999	14 (06/01/21)	14.962	14.962	12.662	12.662	-	-	12.662	2.120	10.542	-	-	-	1
	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp doanh trại Kho vũ khí đạn Gôli thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	1357 (10/6/20)	14.990	14.990	882 (11/5/22)	14.591	14.591	12.990	12.591		399	12.591	10.020	2.571	-	-	-	1
	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trung đoàn 180 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	2422 (31/10/19) 1524 (20/7/21)	22.978	22.978	2937 (31/12/21)	22.526	22.526	20.678	20.226		452	20.226	15.386	4.840	-	-	-	1
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>219.691</b>	<b>219.691</b>	-	-	-	<b>51.165</b>	<b>51.165</b>	-	<b>31.112</b>	<b>20.053</b>	<b>9.834</b>	<b>4.000</b>	<b>559</b>	<b>1.160</b>	<b>4.500</b>	<b>1</b>
	- Cải tạo, nâng cấp khán đài tuyến đường phòng chống lụt bão, đảm bảo an ninh quốc phòng từ QL38B đến đường Chợ Lội - Đại Thàng đi đê hữu Đèo tỉnh Nam Định	UBND huyện Vụ Bản	1768A (7/10/14) 1197 (01/6/17)	219.691	219.691				51.165	51.165		31.112	20.053	9.834	4.000	559	1.160	4.500	1
<b>c</b>	<b>Các công trình chuyển tiếp</b>			<b>69.465</b>	<b>69.465</b>	-	-	-	<b>64.465</b>	<b>64.465</b>	-	<b>17.965</b>	<b>46.500</b>	<b>15.000</b>	<b>30.000</b>	-	<b>500</b>	<b>1.000</b>	<b>1</b>
	- Công trình quốc phòng (Mật danh: STN-ND-20)	BCH Quân sự tỉnh		69.465	69.465				64.465	64.465		17.965	46.500	15.000	30.000	-	500	1.000	1
<b>XIV</b>	<b>AN NINH TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI</b>			<b>142.079</b>	<b>142.079</b>	-	<b>137.231</b>	<b>137.231</b>	<b>98.263</b>	<b>102.227</b>	<b>2.901</b>	<b>271</b>	<b>100.893</b>	<b>40.532</b>	<b>47.095</b>	<b>10.570</b>	<b>2.500</b>	<b>196</b>	<b>6</b>
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>142.079</b>	<b>142.079</b>	-	<b>137.231</b>	<b>137.231</b>	<b>98.263</b>	<b>102.227</b>	<b>2.901</b>	<b>271</b>	<b>100.893</b>	<b>40.532</b>	<b>47.095</b>	<b>10.570</b>	<b>2.500</b>	<b>196</b>	<b>6</b>
<b>a.1</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</b>			<b>17.455</b>	<b>17.455</b>		<b>15.231</b>	<b>15.231</b>	<b>10.526</b>	<b>11.841</b>	<b>1.315</b>	-	<b>11.841</b>	<b>11.841</b>	-	-	-	-	<b>2</b>
	- Xây dựng Đồn Công an khu công nghiệp Hòa Xá (Giai đoạn II)	Công an tỉnh	1641 (27/9/11)	3.456	3.456	177/QĐ-STC (10/12/21)	1.615	1.615		1.315	1.315		1.315	1.315	-	-	-	-	1
	- Xây dựng các hạng mục phụ trợ của Trung tâm chỉ huy, cơ sở làm việc khối an ninh và trực thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	2676 (29/11/18)	13.999	13.999	2990 (30/12/19)	13.616	13.616	10.526	10.526	-	-	10.526	10.526	-	-	-	-	1
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>76.804</b>	<b>76.804</b>	-	<b>75.523</b>	<b>75.523</b>	<b>44.837</b>	<b>44.566</b>	-	<b>271</b>	<b>44.566</b>	<b>18.391</b>	<b>26.175</b>	-	-	-	<b>3</b>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Bổ sung khối lượng nhà làm việc 10 tầng, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị nội thất - Trung tâm chỉ huy, cơ sở làm việc khối An ninh và trực thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	2821 (23/12/15)	11.873	11.873	2114 (01/10/21)	11.621	11.621	621	621	-	-	621	-	621	-	-	-	1
	- Nhà làm việc phòng chống phân động - khủng bố, Nhà làm việc phòng an ninh chính trị nội bộ, Nhà huấn luyện võ thuật quân sự và sân điều lệnh - thể thao Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	2466 (31/10/16) 2415 (30/9/20) 3032 (21/12/20)	44.941	44.941	2415 (31/10/19) 2118 (01/10/21)	44.183	44.183	28.026	28.026	-	-	28.026	17.291	10.735	-	-	-	1
	- Xây dựng trung tâm cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại khu vực huyện Nghĩa Hưng	Công an tỉnh	2483 (05/11/18) 2009 (17/9/21)	19.990	19.990	2805 (21/12/21)	19.719	19.719	16.190	15.919		271	15.919	1.100	14.819	-	-	-	1
<b>a.4</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2025</b>			<b>47.820</b>	<b>47.820</b>		<b>46.477</b>	<b>46.477</b>	<b>42.900</b>	<b>45.820</b>	<b>1.586</b>	<b>-</b>	<b>44.486</b>	<b>10.300</b>	<b>20.920</b>	<b>10.570</b>	<b>2.500</b>	<b>196</b>	<b>1</b>
	- Xây dựng Nhà làm việc phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, hình sự, văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra và các hạng mục phụ trợ thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	1978 (11/8/20) 2295 (16/11/23)	47.820	47.820	1908 (05/9/24)	46.477	46.477	42.900	45.820	1.586		44.486	10.300	20.920	10.570	2.500	196	1
<b>XV</b>	<b>MÔI TRƯỜNG</b>			<b>124.306</b>	<b>62.778</b>	<b>-</b>	<b>77.922</b>	<b>21.887</b>	<b>7.745</b>	<b>2.589</b>	<b>1.877</b>	<b>5.276</b>	<b>4.346</b>	<b>620</b>	<b>1.849</b>	<b>-</b>	<b>120</b>	<b>1.757</b>	<b>4</b>
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>124.306</b>	<b>62.778</b>	<b>-</b>	<b>77.922</b>	<b>21.887</b>	<b>7.745</b>	<b>2.589</b>	<b>1.877</b>	<b>5.276</b>	<b>4.346</b>	<b>620</b>	<b>1.849</b>	<b>-</b>	<b>120</b>	<b>1.757</b>	<b>4</b>
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>19.732</b>	<b>14.732</b>	<b>-</b>	<b>19.069</b>	<b>14.069</b>	<b>7.745</b>	<b>2.469</b>	<b>-</b>	<b>5.276</b>	<b>2.469</b>	<b>620</b>	<b>1.849</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2</b>
	- Xây dựng tường rào tại xã Mỹ Thành thuộc dự án mở rộng khu xử lý rác thải thành phố Nam Định	Sở TNMT	2158 (03/10/18) 1609 (06/7/20)	8.400	8.400	126/QĐ-STC (10/8/21)	8.013	8.013	1.413	1.413	-	-	1.413	320	1.093	-	-	-	1
	- Xây dựng các hạng mục xử lý môi trường làng nghề Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực (Giai đoạn I)	UBND huyện Nam Trực	2436 (02/10/20)	11.332	6.332	772 (25/4/22)	11.056	6.056	6.332	1.056		5.276	1.056	300	756	-	-	-	1
<b>a.4</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</b>			<b>8.721</b>	<b>120</b>		<b>8.150</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>120</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>1</b>
	- Phục hồi tài nguyên hệ sinh thái bị suy thoái vùng ven bờ tỉnh Nam Định	Sở TNMT	1631 (15/10/13) 1365 (04/08/14) 2143 (29/9/16)	8.721	120	2086 (09/11/22)	8.150	120		120	120		120	-	-	-	120	-	1
<b>a.5</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2025</b>			<b>95.853</b>	<b>47.926</b>		<b>50.703</b>	<b>7.698</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.757</b>	<b>-</b>	<b>1.757</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.757</b>	<b>1</b>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề cơ khí Bình Yên, xã Nam Thành, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở TNMT	1175 (19/7/13) 924 (26/5/14)	95.853	47.926	17 (05/01/24)	50.703	7.698			1.757	1.757	-	-	-	-	1.757	1	
<b>XVI</b>	<b>DU LỊCH</b>			<b>75.135</b>	<b>26.048</b>	-	<b>74.416</b>	<b>25.688</b>	<b>24.746</b>	<b>23.923</b>	-	<b>823</b>	<b>23.923</b>	<b>8.548</b>	<b>15.375</b>	-	-	-	<b>2</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<i>75.135</i>	<i>26.048</i>	-	<i>74.416</i>	<i>25.688</i>	<i>24.746</i>	<i>23.923</i>	-	<i>823</i>	<i>23.923</i>	<i>8.548</i>	<i>15.375</i>	-	-	-	<i>2</i>
<i>a.1</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</i>			<i>40.140</i>	<i>8.550</i>		<i>40.140</i>	<i>8.550</i>	<i>7.248</i>	<i>6.785</i>	-	<i>463</i>	<i>6.785</i>	<i>6.785</i>	-	-	-	<i>1</i>	
	- Cải tạo, nâng cấp đường du lịch Thịnh Long, huyện Hải Hậu (đoạn nối từ QL21 đến đường trục chính khu du lịch) - GĐI	UBND TT Thịnh Long	1933 (28/10/14) 46 (07/01/20)	40.140	8.550	2204 (09/10/19)	40.140	8.550	7.248	6.785		463	6.785	6.785	-	-	-	1	
<i>a.2</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</i>			<i>34.995</i>	<i>17.498</i>	-	<i>34.276</i>	<i>17.138</i>	<i>17.498</i>	<i>17.138</i>	-	<i>360</i>	<i>17.138</i>	<i>1.763</i>	<i>15.375</i>	-	-	-	<i>1</i>
	- Cải tạo, nâng cấp đường du lịch Thịnh Long, huyện Hải Hậu (đoạn nối từ QL21 đến đường trục chính khu du lịch) - GĐII	UBND TT Thịnh Long	1933 (28/10/14) 46 (07/01/20) 907 (13/5/22) 1631 (30/8/22)	34.995	17.498	1973 (28/10/22)	34.276	17.138	17.498	17.138		360	17.138	1.763	15.375	-	-	1	
<b>XVII</b>	<b>XÃ HỘI</b>			<b>13.707</b>	<b>6.707</b>	-	<b>12.653</b>	<b>5.653</b>	-	<b>5.653</b>	<b>5.653</b>	-	<b>5.653</b>	-	-	<b>5.653</b>	-	<b>1</b>	
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<i>13.707</i>	<i>6.707</i>	-	<i>12.653</i>	<i>5.653</i>	-	<i>5.653</i>	<i>5.653</i>	-	<i>5.653</i>	-	-	<i>5.653</i>	-	<i>1</i>	
<i>a.3</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023</i>			<i>13.707</i>	<i>6.707</i>	-	<i>12.653</i>	<i>5.653</i>	-	<i>5.653</i>	<i>5.653</i>	-	<i>5.653</i>	-	-	<i>5.653</i>	-	<i>1</i>	
	- Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Nam Định (giai đoạn II)	Sở LĐ TB&XH	2741 (10/12/19) 2440 (02/10/20)	13.707	6.707	894 (13/5/22)	12.653	5.653		5.653		5.653	5.653	-	-	5.653	-	1	
<b>B.2</b>	<b>CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>			<b>12.948.608</b>	<b>12.315.568</b>	-	<b>706.987</b>	<b>667.101</b>	<b>5.289.799</b>	<b>9.080.430</b>	<b>4.078.575</b>	<b>670.710</b>	<b>8.697.664</b>	<b>89.981</b>	<b>811.165</b>	<b>2.505.921</b>	<b>2.349.522</b>	<b>2.941.075</b>	<b>152</b>
<b>I</b>	<b>QUY HOẠCH</b>			<b>8.579</b>	<b>4.000</b>	-	-	-	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	-	-	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	-	-	-	<b>2</b>	
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<i>8.579</i>	<i>4.000</i>	-	-	-	<i>4.000</i>	<i>4.000</i>	-	-	<i>4.000</i>	<i>4.000</i>	-	-	-	<i>2</i>	
	- Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Hải Hậu - Giao Thủy đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070	Sở Xây dựng	936 (29/4/21)	4.152	2.000				2.000	2.000			2.000	2.000	-	-	-	1	
	- Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nghĩa Hưng - Ý Yên đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070	Sở Xây dựng	937 (29/4/21)	4.427	2.000				2.000	2.000			2.000	2.000	-	-	-	1	
<b>II</b>	<b>ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA</b>			<b>744.030</b>	<b>744.030</b>	-	-	-	-	<b>20.000</b>	<b>11.000</b>	-	<b>11.000</b>	-	-	-	<b>1.000</b>	<b>10.000</b>	<b>1</b>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
<i>c</i>	<i>Công trình CBĐT chuyển tiếp từ năm 2024</i>			<b>744.030</b>	<b>744.030</b>	-	-	-	<b>20.000</b>	<b>11.000</b>	-	<b>11.000</b>	-	-	-	<b>1.000</b>	<b>10.000</b>	<b>1</b>	
	- Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư dự án ODA: Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu sử dụng vốn vay của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)	Sở NN&PTNT	799/QĐ-TTg (04/7/23) 216/TB-UBND (06/9/23) 70/TTr-UBND (24/6/24)	744.030	744.030				20.000	11.000		11.000	-	-	-	1.000	10.000	1	
<b>III</b>	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>			<b>118.842</b>	<b>118.842</b>	-	<b>51.780</b>	<b>51.780</b>	<b>19.987</b>	<b>117.754</b>	<b>63.890</b>	<b>497</b>	<b>83.380</b>	<b>12.000</b>	<b>11.519</b>	<b>20.180</b>	<b>15.906</b>	<b>23.775</b>	<b>7</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<b>53.442</b>	<b>53.442</b>	-	<b>51.780</b>	<b>51.780</b>	<b>19.987</b>	<b>52.354</b>	<b>32.290</b>	<b>497</b>	<b>51.780</b>	<b>12.000</b>	<b>10.519</b>	<b>10.180</b>	<b>15.006</b>	<b>4.075</b>	<b>5</b>
<i>a.2</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</i>			<b>4.995</b>	<b>4.995</b>		<b>4.869</b>	<b>4.869</b>	<b>4.995</b>	<b>4.869</b>	-	<b>126</b>	<b>4.869</b>	<b>4.000</b>	<b>869</b>	-	-	-	<b>1</b>
	- Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trường Chính trị Trường Chính tỉnh Nam Định	Trường Chính trị Trường Chính	1205 (09/6/21)	4.995	4.995	125/QĐ-STC (08/11/22)	4.869	4.869	4.995	4.869		126	4.869	4.000	869	-	-	-	1
<i>a.3</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023</i>			<b>18.450</b>	<b>18.450</b>	-	<b>17.880</b>	<b>17.880</b>	<b>14.992</b>	<b>17.880</b>	<b>3.259</b>	<b>371</b>	<b>17.880</b>	<b>8.000</b>	<b>2.650</b>	<b>7.230</b>	-	-	<b>2</b>
	- Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các công trình phụ trợ Trường THPT Tổng Văn Trán, huyện Ý Yên	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	796 (14/4/21)	14.992	14.992	2552 (30/12/22)	14.621	14.621	14.992	14.621		371	14.621	8.000	650	5.971	-	-	1
	- Lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động tại Cụm nhà ở sinh viên tập trung thành phố Nam Định	Sở Xây dựng	1453 (08/7/21)	3.458	3.458	76/QĐ-STC (21/8/23)	3.259	3.259		3.259	3.259		3.259	-	2.000	1.259	-	-	1
<i>a.4</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</i>			<b>14.998</b>	<b>14.998</b>	-	<b>14.606</b>	<b>14.606</b>	-	<b>14.606</b>	<b>14.606</b>	-	<b>14.606</b>	-	<b>2.000</b>	<b>2.450</b>	<b>10.156</b>	-	<b>1</b>
	- Xây dựng nhà đa năng, nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, cải tạo sửa chữa các công trình phụ trợ Trường THPT Ngô Quyền, TP Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2798 (21/12/21)	14.998	14.998	2059 (19/10/23)	14.606	14.606		14.606	14.606		14.606	-	2.000	2.450	10.156	-	1
<i>a.5</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2025</i>			<b>14.999</b>	<b>14.999</b>		<b>14.425</b>	<b>14.425</b>	-	<b>14.999</b>	<b>14.425</b>	-	<b>14.425</b>	-	<b>5.000</b>	<b>500</b>	<b>4.850</b>	<b>4.075</b>	<b>1</b>
	- Xây dựng, cải tạo nhà hiệu bộ, nhà lớp học và một số hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Khuyến, thành phố Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1228 (07/7/22)	14.999	14.999	1417 (05/7/24)	14.425	14.425		14.999	14.425		14.425	-	5.000	500	4.850	4.075	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			<b>65.400</b>	<b>65.400</b>	-	-	-	-	<b>65.400</b>	<b>31.600</b>	-	<b>31.600</b>	-	<b>1.000</b>	<b>10.000</b>	<b>900</b>	<b>19.700</b>	<b>2</b>
	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp trường THPT Giao Thủy C	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2199 (23/10/24)	25.500	25.500					25.500	3.400		3.400	-	-	-	400	3.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng nhà 4 tầng gồm 33 phòng học và các phòng chức năng, xây dựng một số hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1282 (19/7/22)	39.900	39.900					39.900	28.200	28.200	-	1.000	10.000	500	16.700	1	
<b>IV</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>			<b>809.461</b>	<b>748.871</b>	-	<b>341.730</b>	<b>331.401</b>	<b>109.736</b>	<b>676.267</b>	<b>400.378</b>	<b>5.655</b>	<b>504.459</b>	<b>42.482</b>	<b>107.237</b>	<b>107.240</b>	<b>125.229</b>	<b>122.271</b>	<b>36</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<i>350.701</i>	<i>340.211</i>	-	<i>341.730</i>	<i>331.401</i>	<i>109.736</i>	<i>319.790</i>	<i>211.246</i>	<i>5.655</i>	<i>315.327</i>	<i>42.482</i>	<i>107.237</i>	<i>48.240</i>	<i>82.497</i>	<i>34.871</i>	<i>23</i>
<i>a.2</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</i>			<i>86.987</i>	<i>86.987</i>	-	<i>85.850</i>	<i>85.850</i>	<i>78.987</i>	<i>74.774</i>	-	<i>4.213</i>	<i>74.774</i>	<i>30.482</i>	<i>44.292</i>	-	-	-	<i>6</i>
	- Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu và các công trình trên tuyến sông Dầm thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	UBND TT Ninh Cường	684 (01/4/21)	14.999	14.999	2901 (29/12/21)	14.982	14.982	14.999	14.982		17	14.982	11.482	3.500	-	-		1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè tá sông Sò đoạn từ K12+724 (khu neo đậu tàu thuyền Hà Lạn) đến K13+884 (K31+161 đê biển) huyện Giao Thủy	Sở NN&PTNT	902 (27/4/21)	12.000	12.000	2903 (29/12/21)	11.942	11.942	12.000	11.942		58	11.942	3.000	8.942	-	-		1
	- Nạo vét, nâng cấp kênh Rộc (đoạn từ cầu Cao đến chợ Trâu) thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	Công ty TNHH MTV KTCTTL Hải Hậu	2173 (08/10/21)	14.993	14.993	1986 (31/10/22)	14.510	14.510	9.993	9.509		484	9.509	-	9.509	-	-		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh CB20, kênh R24-4 và kiên cố hóa bờ hữu kênh CT25 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2209 (13/10/21)	14.998	14.998	1988 (31/10/22)	14.831	14.831	11.998	11.831		167	11.831	-	11.831	-	-		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung và kênh R7 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2160 (06/10/21)	14.998	14.998	1987 (31/10/22)	14.740	14.740	14.998	14.740		258	14.740	5.000	9.740	-	-		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Ninh Hải (đoạn từ cống Ninh Hải 2b đến cống Ninh Hải 1c) thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nghĩa Hưng	1471 (12/7/21)	14.999	14.999	1991 (31/10/22)	14.845	14.845	14.999	11.770		3.229	11.770	11.000	770	-	-		1
<i>a.3</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023</i>			<i>33.744</i>	<i>30.753</i>	-	<i>32.511</i>	<i>29.520</i>	<i>25.753</i>	<i>24.520</i>	-	<i>1.233</i>	<i>24.520</i>	<i>10.000</i>	<i>2.445</i>	<i>12.075</i>	-	-	<i>3</i>
	- Xây dựng cống, tường bao Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai và một số đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở NN&PTNT	1688 (10/8/21)	3.754	3.754	143/QĐ-STC (16/12/22)	3.505	3.505	3.754	3.505		249	3.505	1.000	1.445	1.060	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp kênh KT2, thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nghĩa Hưng	2171 (07/10/21)	14.999	14.999	2376 (19/12/22)	14.591	14.591	9.999	9.591		408	9.591	-	500	9.091	-	-	1
	- Nâng cấp tuyến đê bồi Yên Phúc huyện Ý Yên	Sở NN&PTNT	1333 (28/6/21)	14.991	12.000	23 (05/01/23)	14.415	11.424	12.000	11.424		576	11.424	9.000	500	1.924	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
<b>a.4</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</b>			<b>164.975</b>	<b>157.476</b>	-	<b>161.898</b>	<b>154.560</b>	-	<b>155.501</b>	<b>154.562</b>	-	<b>154.562</b>	-	<b>55.000</b>	<b>25.165</b>	<b>74.397</b>	-	<b>11</b>
	- Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu S35 thuộc hệ thống thủy nông Vũ Bản	Công ty TNHH MTV KTCTTL Vũ Bản	2659 (09/12/21) 1861 (11/10/22)	14.999	14.999	1982 (12/10/23)	14.359	14.359		14.359	14.359		14.359	-	2.000	1.750	10.609		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh CB10 và đoạn đầu kênh R24 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Ninh	1692 (12/9/22)	14.998	14.998	1984 (12/10/23)	14.733	14.733		14.733	14.733		14.733	-	5.000	500	9.233		1
	- Cải tạo, nâng cấp kênh Bình Hải 1-9a thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nghĩa Hưng	939 (18/5/22)	14.999	14.999	1985 (12/10/23)	14.745	14.745		14.744	14.744		14.744	-	5.000	500	9.244		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Văn Bé 11 xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy (Đoạn từ giáp xã Hồng Thuận đến đê Trung ương)	UBND huyện Giao Thủy	1843 (06/10/22)	14.990	14.990	1983 (12/10/23)	14.686	14.686		14.686	14.686		14.686	-	12.000	500	2.186		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Thống Nhất và các tuyến kênh nhánh trên địa bàn xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	1326 (27/7/22)	14.998	14.998	2135 (30/10/23)	14.832	14.832		14.832	14.832		14.832	-	5.000	500	9.332		1
	- Kiên cố hóa kênh Đồi 35, kênh Giáp Quý, kênh đống B thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	1106 (16/6/22)	14.998	7.499	2134 (30/10/23)	14.675	7.337		7.337	7.337		7.337	-	5.000	500	1.837		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Hoàng Đan và một số tuyến nhánh thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Ý Yên	168 (17/01/23)	14.999	14.999	2136 (30/10/23)	14.816	14.816		14.816	14.816		14.816	-	-	5.000	9.816		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa sông Dầm (đoạn từ cống Dầm trên đê tả sông Ninh Cơ đến cống Trục Phú trên QL37) thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	UBND TT Ninh Cường	788 (26/4/22)	14.999	14.999	2522 (15/12/23)	14.741	14.741		14.999	14.744		14.744	-	11.000	1.464	2.280		1
	- Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Nam Điền 6 và đường trục trong vùng nuôi trồng thủy sản xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	1402 (05/8/22)	14.998	14.998	2964 (29/12/23)	14.806	14.806		14.998	14.806		14.806	-	5.000	1.746	8.060		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Nguyễn Văn Bé và các tuyến kênh nhánh trên địa bàn xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	1327 (27/7/22)	14.998	14.998	08 (03/01/24)	14.772	14.772		14.998	14.772		14.772	-	5.000	3.852	5.920		1
	- Nạo vét, kiên cố hóa và nâng cấp bờ kênh Láng 10 xã Xuân Đài	UBND huyện Xuân Trường	637 (31/3/23)	14.999	14.999	07 (03/01/24)	14.733	14.733		14.999	14.733		14.733	-	-	8.853	5.880		1
<b>a.5</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2025</b>			<b>64.995</b>	<b>64.995</b>	-	<b>61.471</b>	<b>61.471</b>	<b>4.996</b>	<b>64.995</b>	<b>56.684</b>	<b>209</b>	<b>61.471</b>	<b>2.000</b>	<b>5.500</b>	<b>11.000</b>	<b>8.100</b>	<b>34.871</b>	<b>3</b>
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê bồi Yên Lộc, Yên Phúc, huyện Ý Yên	Sở NN&PTNT	1638 (31/8/22)	14.999	14.999	198 (24/01/24)	14.391	14.391		14.999	14.391		14.391	-	5.000	500	7.100	1.791	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số						Trong đó: NS tỉnh	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao		KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh An Lá 11B thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2159 (06/10/21)	4.996	4.996	90/QĐ-STC (05/6/24)	4.787	4.787	4.996	4.996	209	4.787	2.000	500	500	500	1.287	1	
	- Kiên cố hóa kênh Nam Tân; nạo vét, kiên cố hóa kênh, nâng cấp đường bờ kênh Nam Tân 6, Nam Tân 8, Sa Đê 6, CB19 và một số công trình trên tuyến thuộc hệ thống Thủy nông Nam Ninh, huyện Trực Ninh	UBND huyện Trực Ninh	1726 (31/8/23)	45.000	45.000	2357 (30/10/24)	42.293	42.293		45.000		42.293	-	-	10.000	500	31.793	1	
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>65.973</b>	<b>50.873</b>	-	-	-	<b>50.878</b>	<b>43.590</b>	-	<b>43.590</b>	-	-	<b>14.000</b>	<b>5.490</b>	<b>24.100</b>	<b>4</b>	
	- Cải tạo nâng cấp hệ thống trạm bơm Tân Đệ và các công trình phụ trợ	UBND TP Nam Định	1061 (30/5/23) 2409 (05/11/24)	29.990	14.890					14.890	11.500	11.500	-	-	-	500	11.000	1	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tưới N12-16 để phục vụ sản xuất nông nghiệp do bị ảnh hưởng bởi dự án Xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (Giai đoạn II)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Ý Yên	1154 (30/5/24)	5.995	5.995					6.000	4.800	4.800	-	-	-	3.000	1.800	1	
	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu và sản xuất tại Trung tâm giống cây trồng tỉnh Nam Định	Trung tâm giống cây trồng tỉnh Nam Định	1474 (27/7/23)	14.990	14.990					14.990	14.290	14.290	-	-	9.000	1.990	3.300	1	
	- Nạo vét, kè gia cố mái kênh CH3 thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy	Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy	1064 (30/5/23)	14.998	14.998					14.998	13.000	13.000	-	-	5.000	-	8.000	1	
<b>c</b>	<b>Các công trình chuyển tiếp</b>			<b>392.787</b>	<b>357.787</b>	-	-	-	<b>305.599</b>	<b>145.542</b>	-	<b>145.542</b>	-	-	<b>45.000</b>	<b>37.242</b>	<b>63.300</b>	<b>9</b>	
	- Cải tạo, nâng cấp bờ tả kênh Hùng Vương đoạn từ cầu Gạo đến thôn Phú Nội	Sở NN&PTNT	2082 (20/10/23)	14.999	14.999					14.999	9.500	9.500	-	-	6.000	-	3.500	1	
	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Đình Thượng thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên	Công ty TNHH MTV KTCTTL Ý Yên	75 (12/01/24)	14.990	14.990					14.900	10.300	10.300	-	-	-	5.000	5.300	1	
	- Nạo vét, kè gia cố mái kênh Sê và kênh Sê 8 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Ninh	302 (01/02/24)	14.998	14.998					14.900	7.000	7.000	-	-	-	5.000	2.000	1	
	- Kiên cố hóa kênh tưới KNB đoạn từ cống đầu kênh đến cầu Sau Đông thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành	Công ty TNHH MTV KTCTTL Mỹ Thành	932 (03/5/24)	14.900	14.900					14.900	4.000	4.000	-	-	-	3.000	1.000	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Nạo vét, kè gia cố mái kênh R24, kênh CT33, kênh CT25 (đoạn cuối); cải tạo bờ kênh CB10 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Ninh	1059 (17/5/24)	14.900	14.900					14.900	6.000	6.000	-	-	-	5.000	1.000	1	
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh C25, kênh N1 và một số tuyến nhánh huyện Vụ Bản	Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản	1157 (31/5/24)	50.000	50.000					30.000	6.000	6.000	-	-	-	5.000	1.000	1	
	- Kè gia cố và nâng cấp đường bờ kênh Sê đoạn từ cống Sê đê tá Ninh Cơ xã Trực Hùng đến cầu sông Sê xã Trực Cường, huyện Trực Ninh	UBND huyện Trực Ninh	1809 (14/9/23)	70.000	35.000					35.000	29.742	29.742	-	-	10.000	7.242	12.500	1	
	- Nâng cấp, gia cố một số đoạn kè xung yếu trên tuyến đê sông huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	981 (17/5/23)	98.000	98.000					98.000	67.000	67.000	-	-	29.000	2.000	36.000	1	
	- Cải tạo, nâng cấp một số tuyến kênh vùng phía Nam thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Ý Yên	1600 (30/7/24)	100.000	100.000					68.000	6.000	6.000	-	-	-	5.000	1.000	1	
<b>V</b>	<b>GIAO THÔNG</b>			<b>8.494.563</b>	<b>8.379.983</b>	-	<b>108.836</b>	<b>94.141</b>	<b>4.014.779</b>	<b>6.597.974</b>	<b>3.274.200</b>	<b>1.026</b>	<b>7.287.953</b>	<b>5.566</b>	<b>595.620</b>	<b>2.267.912</b>	<b>2.128.719</b>	<b>2.290.136</b>	<b>17</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<i>114.032</i>	<i>99.036</i>	-	<i>108.836</i>	<i>94.141</i>	<i>14.779</i>	<i>97.027</i>	<i>80.379</i>	<i>1.026</i>	<i>94.132</i>	<i>5.566</i>	<i>15.620</i>	<i>26.591</i>	<i>41.719</i>	<i>4.636</i>	<i>8</i>
<i>a.4</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</i>			<i>84.038</i>	<i>76.541</i>	-	<i>79.576</i>	<i>72.265</i>	<i>14.779</i>	<i>74.532</i>	<i>58.503</i>	<i>1.026</i>	<i>72.256</i>	<i>5.566</i>	<i>12.620</i>	<i>21.791</i>	<i>32.279</i>	<i>-</i>	<i>6</i>
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện Ý Yên (đoạn từ TL485 đến UBND xã Yên Thọ)	UBND huyện Ý Yên	1156 (03/6/21)	14.779	14.779	1864 (21/9/23)	13.753	13.753	14.779	13.753	1.026	13.753	5.566	620	4.180	3.387		1	
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Hương, huyện Giao Thủy (đoạn từ đê Hữu Hồng đến ngã ba UBND xã Giao Hương)	UBND huyện Giao Thủy	1294 (21/7/22)	14.995	7.498	2069 (20/10/23)	14.621	7.310		7.310	7.310	7.310	-	6.000	500	810		1	
	- Cải tạo, nâng cấp cầu và đường vào Trường THPT Lý Tư Trọng, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2098 (10/11/22)	14.667	14.667	2164 (31/10/23)	13.872	13.872		13.872	13.872	13.872	-	1.000	500	12.372		1	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Yên Bình, huyện Ý Yên (đoạn từ QL38B đến QL37B)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1023 (03/6/22)	9.942	9.942	151/QĐ-STC (27/12/23)	9.352	9.352		9.942	9.352	9.352	-	5.000	1.552	2.800		1	
	- Xây dựng cầu Giao Nhân trên TL.488, huyện Giao Thủy	Sở GTVT	2285 (09/12/22)	14.665	14.665	2732 (29/12/23)	13.524	13.524		14.665	13.524	13.524	-	-	6.914	6.610		1	



Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp đường Vạn Phú, huyện Trực Ninh (đoạn từ UBND xã Trục Thăng (cổng Thóp 15A) đến cầu Cuối Sa Thồ)	UBND huyện Trục Ninh	473 (10/3/23)	14.990	14.990	2591 (25/12/23)	14.454	14.454		14.990	14.445		14.445	-	-	8.145	6.300		1
<b>a.5</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2025</b>			<b>29.994</b>	<b>22.495</b>	<b>-</b>	<b>29.260</b>	<b>21.876</b>	<b>-</b>	<b>22.495</b>	<b>21.876</b>	<b>-</b>	<b>21.876</b>	<b>-</b>	<b>3.000</b>	<b>4.800</b>	<b>9.440</b>	<b>4.636</b>	<b>2</b>
	- Xây dựng cầu Bồng Qũy và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Bồng Qũy đến công Qũy Độ 2, xã Yên Phong, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1608 (25/8/22)	14.995	14.995	1400 (03/7/24)	14.492	14.492		14.995	14.492		14.492	-	3.000	1.800	6.610	3.082	1
	- Cải tạo, nâng cấp hè đường, tường chắn sóng bãi tắm Quất Lâm, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2348 (15/12/22)	14.999	7.500	1762 (20/8/24)	14.768	7.384		7.500	7.384		7.384	-	-	3.000	2.830	1.554	1
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>29.985</b>	<b>14.995</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.995</b>	<b>14.500</b>	<b>-</b>	<b>14.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.000</b>	<b>-</b>	<b>3.500</b>	<b>2</b>
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Hương, huyện Giao Thủy (đoạn từ ngã tư xóm 11 đến cầu xóm 3)	UBND huyện Giao Thủy	2286 (09/12/22)	14.995	7.500					7.500	7.500		7.500	-	-	6.000	-	1.500	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Tỉnh Nghĩa, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy (đoạn từ ngã ba xóm 5 đi xã Giao Hương)	UBND huyện Giao Thủy	2506 (28/12/22)	14.990	7.495					7.495	7.000		7.000	-	-	5.000	-	2.000	1
<b>c</b>	<b>Các công trình chuyển tiếp</b>			<b>8.350.546</b>	<b>8.265.952</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.000.000</b>	<b>6.485.952</b>	<b>3.179.321</b>	<b>-</b>	<b>7.179.321</b>	<b>-</b>	<b>580.000</b>	<b>2.230.321</b>	<b>2.087.000</b>	<b>2.282.000</b>	<b>7</b>
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Cường - Hồng Quang, huyện Nam Trực (đoạn từ trạm bơm Đông Chợ, xã Nam Cường đến QL21B)	UBND huyện Nam Trực	1928 (09/9/24)	14.900	14.900					14.900	3.500		3.500	-	-	-	500	3.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Thanh - Nam Lợi, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2075 (07/10/24)	57.000	28.500					28.500	3.500		3.500	-	-	-	500	3.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp cầu Vop 1, cầu Vop 2 trên sông Vop huyện Giao Thủy để phát triển kinh tế biển tỉnh Nam Định	Sở GTVT	768 (19/4/23)	60.000	60.000					60.000	54.920		54.920	-	-	50.420	500	4.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Minh Tân, huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	1392 (02/7/24)	65.000	32.500					32.500	1.000		1.000	-	-	-	-	1.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường TL488B, huyện Trực Ninh (đoạn từ QL21 Ngặt Kéo xã Liêm Hải đến đê sông Ninh Cơ thị trấn Cát Thành)	UBND huyện Trực Ninh	1420 (09/8/22) 1461 (26/7/23)	78.646	55.052					55.052	36.500		36.500	-	-	-	35.500	1.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Ngân sách tỉnh bố trí để GPMB dự án PPP: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình	UBND các huyện: Trực Ninh, Nam Trực, Xuân Trường, Nghĩa Hưng	82/NQ-HĐND (14/7/23) 1680/QĐ-TTg (25/12/23) CTĐT 1799 (31/10/24) UBND Thái Bình 1427/VP5 (21/11/24)	1.675.000	1.675.000					1.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	1.000.000	1	
	- Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định -Lạc Quan -Đường bộ ven biển	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1283 (19/7/22) 782 (17/4/24)	6.400.000	6.400.000			4.000.000	5.295.000	2.079.901	6.079.901	-	580.000	2.179.901	2.050.000	1.270.000		1	
<b>VI</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>			<b>187.821</b>	<b>172.736</b>	-	<b>105.921</b>	<b>91.059</b>	<b>34.687</b>	<b>156.816</b>	<b>95.258</b>	<b>880</b>	<b>129.065</b>	<b>8.973</b>	<b>51.922</b>	<b>8.580</b>	<b>24.297</b>	<b>35.293</b>	<b>16</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<i>108.790</i>	<i>93.705</i>	-	<i>105.921</i>	<i>91.059</i>	<i>33.415</i>	<i>77.765</i>	<i>44.329</i>	<i>808</i>	<i>76.936</i>	<i>8.973</i>	<i>50.722</i>	<i>2.580</i>	<i>11.468</i>	<i>3.193</i>	<i>10</i>
<i>a.2</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</i>			<i>62.540</i>	<i>47.455</i>	-	<i>61.592</i>	<i>46.730</i>	<i>33.415</i>	<i>32.730</i>	-	<i>808</i>	<i>32.607</i>	<i>8.973</i>	<i>23.634</i>	-	-	-	<i>6</i>
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy - Nhà văn hóa huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	776 (06/4/20)	14.990	7.495	1652 (05/8/21)	14.720	7.360	7.360	7.360	-	-	7.360	760	6.600	-	-		1
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND - UBND huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	106 (14/1/21)	14.990	7.400	880 (11/5/22)	14.902	7.400	7.495	7.400	95	7.400	5.000	2.400	-	-			1
	- Cải tạo, nâng cấp mạng internet, wifi và các thiết bị công nghệ thông tin thuộc trụ sở UBND tỉnh Nam Định	VP UBND tỉnh	1658 (06/8/21)	898	898	7/QĐ-STC (25/01/22)	850	850	898	850	48	850	800	50	-	-			1
	- Cải tạo, sửa chữa nhà để xe và xây dựng nhà tiếp nhận, bảo quản quà tặng, hàng viện trợ cho người có công và đối tượng bảo trợ xã hội	Sở LĐ TB&XH	2334 (28/10/21)	1.669	1.669	124/QĐ-STC (08/11/22)	1.662	1.662	1.669	1.662	7	1.662	1.413	249	-	-			1
	- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1617 (30/7/21) 609 (28/3/22)	14.995	14.995	2019 (03/11/22)	14.653	14.653	7.995	7.653	406	7.589	500	7.089	-	-			1
	- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở HĐND-UBND tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1497 (15/7/21)	14.998	14.998	2020 (03/11/22)	14.805	14.805	7.998	7.805	252	7.746	500	7.246	-	-			1
<i>a.3</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</i>			<i>31.251</i>	<i>31.251</i>	-	<i>30.036</i>	<i>30.036</i>	-	<i>30.036</i>	<i>30.036</i>	-	<i>30.036</i>	-	<i>26.088</i>	<i>2.080</i>	<i>1.868</i>	-	<i>3</i>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025	
	- Xây dựng hệ thống tòa soạn điện tử Báo Nam Định	Báo Nam Định	493 (09/3/22)	1.271	1.271	43/QĐ-STC (07/4/23)	1.267	1.267		1.267	1.267			-	1.000	-	267		1	
	- Xây dựng, cải tạo nâng cấp trụ sở nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Hội Nông dân tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	152 (18/01/22)	14.990	14.990	2166 (31/10/23)	14.248	14.248		14.248	14.248			-	13.088	1.030	130		1	
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Công Thương	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	786 (26/4/22) 242 (08/02/23)	14.990	14.990	2167 (31/10/23)	14.521	14.521		14.521	14.521			-	12.000	1.050	1.471		1	
<b>a.5</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2025</b>			<b>14.999</b>	<b>14.999</b>		<b>14.293</b>	<b>14.293</b>	<b>-</b>	<b>14.999</b>	<b>14.293</b>	<b>-</b>	<b>14.293</b>	<b>-</b>	<b>1.000</b>	<b>500</b>	<b>9.600</b>	<b>3.193</b>	<b>1</b>	
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1860 (11/10/22)	14.999	14.999	1419 (05/7/24)	14.293	14.293		14.999	14.293			-	1.000	500	9.600	3.193	1	
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>31.251</b>	<b>31.251</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.272</b>	<b>31.251</b>	<b>28.000</b>	<b>72</b>	<b>29.200</b>	<b>-</b>	<b>1.200</b>	<b>6.000</b>	<b>1.000</b>	<b>21.000</b>	<b>3</b>
	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	2495 (18/11/21)	1.272	1.272				1.272	1.272		72	1.200	-	1.200	-	-	-	1	
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tiếp công dân và phòng làm việc Văn phòng UBND tỉnh Nam Định	VP UBND tỉnh	2015 (13/10/23)	14.989	14.989					14.989	14.000			-	-	3.000	500	10.500	1	
	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1652 (22/8/23)	14.990	14.990					14.990	14.000			-	-	3.000	500	10.500	1	
<b>c</b>	<b>Các công trình chuyển tiếp</b>			<b>47.780</b>	<b>47.780</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>47.800</b>	<b>22.929</b>	<b>-</b>	<b>22.929</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.829</b>	<b>11.100</b>	<b>3</b>	
	- Cải tạo nhà làm việc 4 tầng và các hạng mục phụ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1346 (26/6/24)	13.380	13.380					13.400	4.000		4.000	-	-	-	3.000	1.000	1	
	- Xây dựng mới nhà khách Tỉnh ủy và cải tạo hệ thống nhà vệ sinh nhà 5 tầng Trụ sở Tỉnh ủy Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1101 (24/5/24)	29.000	29.000					29.000	15.000		15.000	-	-	-	5.000	10.000	1	
	- Bố trí kinh phí GPMB để triển khai dự án đầu tư xây dựng trụ sở Cục quản lý thị trường tỉnh Nam Định	Cục QLTT tỉnh Nam Định	2226/QĐ-BCT (28/9/21) 1093/QĐ-BCT (06/6/22) 482/UBND-VP5 (28/6/22)	5.400	5.400					5.400	3.929		3.929	-	-	-	3.829	100	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
<b>VII</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>			<b>68.865</b>	<b>66.865</b>	-	<b>8.629</b>	<b>8.629</b>	<b>8.986</b>	<b>56.608</b>	<b>27.500</b>	<b>357</b>	<b>36.129</b>	<b>2.000</b>	<b>11.369</b>	<b>6.760</b>	<b>1.500</b>	<b>14.500</b>	<b>4</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<b>8.986</b>	<b>8.986</b>	-	<b>8.629</b>	<b>8.629</b>	<b>8.986</b>	<b>8.629</b>	-	<b>357</b>	<b>8.629</b>	<b>2.000</b>	<b>3.369</b>	<b>3.260</b>	-	-	<b>1</b>
<i>a.3</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023</i>			<b>8.986</b>	<b>8.986</b>		<b>8.629</b>	<b>8.629</b>	<b>8.986</b>	<b>8.629</b>	-	<b>357</b>	<b>8.629</b>	<b>2.000</b>	<b>3.369</b>	<b>3.260</b>	-	-	<b>1</b>
	- Cài tạo Nhà khám bệnh và hành chính, nhà tiếp đón và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện nội tiết tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	307 (05/2/21)	8.986	8.986	150/QĐ-STC (16/12/22)	8.629	8.629	8.986	8.629		357	8.629	2.000	3.369	3.260	-		1
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<b>29.979</b>	<b>27.979</b>	-	-	-	-	<b>27.979</b>	<b>24.000</b>	-	<b>24.000</b>	-	<b>8.000</b>	<b>3.500</b>	<b>1.000</b>	<b>11.500</b>	<b>2</b>
	- Triển khai Bệnh án điện tử tại Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	Bệnh viện Nhi	1462 (11/8/22) 552 (22/3/24)	14.994	12.994					12.994	11.500		11.500	-	8.000	500	500	2.500	1
	- Xây dựng nhà điều trị 3 tầng, nhà giặt là, khử khuẩn và một số hạng mục phụ trợ bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	639 (31/3/23)	14.985	14.985					14.985	12.500		12.500	-	-	3.000	500	9.000	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			<b>29.900</b>	<b>29.900</b>	-	-	-	-	<b>20.000</b>	<b>3.500</b>	-	<b>3.500</b>	-	-	-	<b>500</b>	<b>3.000</b>	<b>1</b>
	- Cài tạo, sửa chữa Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2279 (24/10/24)	29.900	29.900					20.000	3.500		3.500	-	-	-	500	3.000	1
<b>VIII</b>	<b>VĂN HÓA</b>			<b>14.900</b>	<b>14.900</b>	-	-	-	-	-	<b>4.000</b>	-	<b>4.000</b>	-	-	-	<b>3.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1</b>
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			<b>14.900</b>	<b>14.900</b>	-	-	-	-	-	<b>4.000</b>	-	<b>4.000</b>	-	-	-	<b>3.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1</b>
	- Cài tạo Nhà văn hóa 3-2 tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2343 (28/10/24)	14.900	14.900						4.000		4.000				3.000	1.000	1
<b>IX</b>	<b>THỂ DỤC, THỂ THAO</b>			<b>18.487</b>	<b>18.487</b>	-	<b>18.104</b>	<b>18.104</b>	<b>18.487</b>	<b>18.104</b>	-	<b>383</b>	<b>18.104</b>	<b>4.960</b>	<b>1.000</b>	<b>12.144</b>	-	-	<b>2</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<b>18.487</b>	<b>18.487</b>	-	<b>18.104</b>	<b>18.104</b>	<b>18.487</b>	<b>18.104</b>	-	<b>383</b>	<b>18.104</b>	<b>4.960</b>	<b>1.000</b>	<b>12.144</b>	-	-	<b>2</b>
<i>a.2</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</i>			<b>3.488</b>	<b>3.488</b>		<b>3.460</b>	<b>3.460</b>	<b>3.488</b>	<b>3.460</b>	-	<b>28</b>	<b>3.460</b>	<b>2.960</b>	<b>500</b>	-	-	-	<b>1</b>
	- Sửa chữa, cài tạo mặt sân cỏ Sân vận động Thiên Trường phục vụ Seagames 31	Sở VH TT&DL	875 (23/4/21)	3.488	3.488	174/QĐ-STC (06/12/21)	3.460	3.460	3.488	3.460	28	3.460	2.960	500	-	-	-	-	1
<i>a.3</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023</i>			<b>14.999</b>	<b>14.999</b>		<b>14.644</b>	<b>14.644</b>	<b>14.999</b>	<b>14.644</b>	-	<b>355</b>	<b>14.644</b>	<b>2.000</b>	<b>500</b>	<b>12.144</b>	-	-	<b>1</b>
	- Các hạng mục phục vụ Sea games 31	Sở VH TT&DL	1635 (04/8/21) 1761 (22/9/22)	14.999	14.999	2556 (30/12/22)	14.644	14.644	14.999	14.644	355	14.644	2.000	500	12.144	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
<b>X</b>	<b>QUỐC PHÒNG</b>			<b>184.210</b>	<b>184.210</b>	-	<b>71.987</b>	<b>71.987</b>	<b>49.998</b>	<b>183.142</b>	<b>87.962</b>	<b>16.973</b>	<b>120.987</b>	<b>10.000</b>	<b>9.049</b>	<b>60.158</b>	<b>22.780</b>	<b>19.000</b>	<b>10</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</i>			<b>74.317</b>	<b>74.317</b>	-	<b>71.987</b>	<b>71.987</b>	<b>29.998</b>	<b>73.344</b>	<b>42.962</b>	<b>973</b>	<b>71.987</b>	<b>10.000</b>	<b>9.049</b>	<b>44.158</b>	<b>8.780</b>	-	<b>5</b>
<i>a.3</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023</i>			<b>29.998</b>	<b>29.998</b>	-	<b>29.025</b>	<b>29.025</b>	<b>29.998</b>	<b>29.025</b>	-	<b>973</b>	<b>29.025</b>	<b>10.000</b>	<b>1.049</b>	<b>17.976</b>	-	-	<b>2</b>
	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục Đồn Biên phòng Ba Lạt (84) thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	BCH BDBP tỉnh	1499 (15/7/21)	14.999	14.999	2551 (30/12/22)	14.578	14.578	14.999	14.578		421	14.578	2.000	500	12.078	-		1
	- Xây mới, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Xuân Trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	1452 (08/7/21)	14.999	14.999	2409 (23/12/22)	14.447	14.447	14.999	14.447		552	14.447	8.000	549	5.898	-		1
<i>a.4</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</i>			<b>44.319</b>	<b>44.319</b>	-	<b>42.962</b>	<b>42.962</b>	-	<b>44.319</b>	<b>42.962</b>	-	<b>42.962</b>	-	<b>8.000</b>	<b>26.182</b>	<b>8.780</b>	-	<b>3</b>
	- Xây dựng một số hạng mục Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hải Thịnh thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	BCH BDBP tỉnh	2284 (09/12/22)	14.324	14.324	2599 (25/12/23)	14.096	14.096		14.324	14.096		14.096	-	-	6.316	7.780		1
	- Xây mới, cải tạo một số hạng mục doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Nghĩa Hưng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	1715 (15/9/22)	14.997	14.997	2727 (29/12/23)	14.331	14.331		14.997	14.331		14.331	-	5.000	8.831	500		1
	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục nhà ở và hạ tầng kỹ thuật thuộc cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	1952 (24/10/22)	14.998	14.998	2726 (29/12/23)	14.535	14.535		14.998	14.535		14.535	-	3.000	11.035	500		1
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<b>44.898</b>	<b>44.898</b>	-	-	-	-	<b>44.898</b>	<b>39.000</b>	-	<b>39.000</b>	-	-	<b>16.000</b>	<b>6.000</b>	<b>17.000</b>	<b>3</b>
	- Công trình quân sự (Mật danh: NT2021-HN1/CCCD)	BCH Quân sự tỉnh		14.999	14.999					14.999	13.000		13.000	-	-	8.000	500	4.500	1
	- Công trình quân sự (Mật danh: TPND2021-HN1/CCCD)	BCH Quân sự tỉnh		14.999	14.999					14.999	13.000		13.000	-	-	8.000	500	4.500	1
	- Cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Trực Ninh, thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	2502 (14/12/23)	14.900	14.900					14.900	13.000		13.000	-	-	-	5.000	8.000	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			<b>64.995</b>	<b>64.995</b>	-	-	-	<b>20.000</b>	<b>64.900</b>	<b>6.000</b>	<b>16.000</b>	<b>10.000</b>	-	-	-	<b>8.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2</b>
	- Xây dựng mới và cải tạo một số hạng mục cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	BCH BDBP tỉnh	1597 (29/7/24)	14.995	14.995				20.000	14.900	16.000		4.000	-	-	-	3.000	1.000	1
	- Xây dựng khu neo đậu tàu thuyền Hải Đội 2 thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	BCH BDBP tỉnh	470 (08/3/24)	50.000	50.000					50.000	6.000		6.000	-	-	-	5.000	1.000	1
<b>XI</b>	<b>AN NINH TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI</b>			<b>245.896</b>	<b>234.115</b>	-	-	-	<b>50.000</b>	<b>200.896</b>	<b>51.196</b>	<b>45.800</b>	<b>55.396</b>	-	-	<b>28.896</b>	<b>11.000</b>	<b>15.500</b>	<b>4</b>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			3.896	3.896	-	-	-	3.896	3.896	-	3.896	-	-	3.896	-	-	1	
a.3	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023			3.896	3.896	-	-	-	3.896	3.896	-	3.896	-	-	3.896	-	-	1	
	- NS tỉnh bố trí vốn GPMB dự án đầu tư xây dựng Cơ sở làm việc Công an huyện Nam Trực thuộc Công an tỉnh Nam Định (Dự án do Bộ Công an quyết định đầu tư, tỉnh Nam Định đã hoàn thành bố trí vốn GPMB năm 2023)	Công an tỉnh	5743/QĐ-BCA-H02 (01/8/22) 267/UBND-VP5 (22/4/22) 5728/TTr-CAT-PH10 (30/11/22)	3.896	3.896				3.896	3.896		3.896	-	-	3.896	-	-	1	
c	Các công trình chuyển tiếp			242.000	230.219	-	-	-	50.000	197.000	47.300	45.800	51.500	-	-	25.000	11.000	15.500	3
	- Công trình an ninh Mật (Mật danh: PCCC XT)	Công an tỉnh		25.000	25.000					25.000	15.000		15.000	-	-	5.000	500	9.500	1
	- Công trình an ninh Mật (Mật danh: 18CAX)	Công an tỉnh		130.000	121.906					122.000	32.300		32.300	-	-	20.000	9.300	3.000	1
	- Công trình an ninh Mật (Mật danh: 12CAX)	Công an tỉnh		87.000	83.313				50.000	50.000		45.800	4.200	-	-	-	1.200	3.000	1
<b>XII</b>	<b>MÔI TRƯỜNG</b>			<b>14.284</b>	<b>14.284</b>	-	-	-	-	<b>14.284</b>	<b>12.920</b>	-	<b>12.920</b>	-	<b>3.449</b>	<b>4.051</b>	<b>3.820</b>	<b>1.600</b>	<b>1</b>
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			14.284	14.284	-	-	-	14.284	12.920	-	12.920	-	3.449	4.051	3.820	1.600	1	
	- Đầu tư, lắp đặt trạm quan trắc tự động môi trường không khí tại thành phố Nam Định	Sở TNMT	2773 (20/12/21) 1941 (09/9/24)	14.284	14.284					14.284	12.920		12.920	-	3.449	4.051	3.820	1.600	1
<b>XIII</b>	<b>DU LỊCH</b>			<b>80.000</b>	<b>40.000</b>	-	-	-	-	<b>40.000</b>	<b>33.000</b>	-	<b>33.000</b>	-	-	<b>10.000</b>	<b>500</b>	<b>22.500</b>	<b>1</b>
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			80.000	40.000	-	-	-	40.000	33.000	-	33.000	-	-	10.000	500	22.500	1	
	- Xây dựng hạ tầng khu du lịch Quất Lâm, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	1804 (14/9/23)	80.000	40.000					40.000	33.000		33.000	-	-	10.000	500	22.500	1
<b>XIV</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>			<b>48.217</b>	<b>48.217</b>	-	-	-	-	<b>44.200</b>	<b>16.000</b>	-	<b>16.000</b>	-	-	-	<b>10.500</b>	<b>5.500</b>	<b>2</b>
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			13.217	13.217	-	-	-	14.200	12.500	-	12.500	-	-	-	10.000	2.500	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hệ thống quản lý và lưu trữ phục vụ việc số hóa thành phần hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính của tỉnh Nam Định	Sở TTTT	1378 (28/6/24)	13.217	13.217					14.200	12.500		12.500	-	-	-	10.000	2.500	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			<i>35.000</i>	<i>35.000</i>	-	-	-	-	<i>30.000</i>	<i>3.500</i>	-	<i>3.500</i>	-	-	-	<i>500</i>	<i>3.000</i>	<i>1</i>
	- Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Nam Định	Sở TTTT	22/NQ-HĐND (13/3/24)	35.000	35.000					30.000	3.500		3.500	-	-	-	500	3.000	1
*	<b>Vốn chuẩn bị đầu tư, GPMB và XDCB khác bố trí cho dự án năm 2024 chuyển tiếp sang 2025</b>									-	-	1.271	1.271				1.271		
XV	<b>BÓ TRÍ VỐN CHO CÔNG TÁC GPMB, XDCB, THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN KCM NĂM 2025 VÀ BÓ TRÍ VỐN ĐỀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KCM GIAI ĐOẠN 2026-2030, CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ CÔNG (Trường hợp dự án thuộc danh mục dự kiến KCM năm 2025 nhưng đến hết năm 2025 chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư thì chuyển sang danh mục CBDT để KCM trong giai đoạn 2026-2030; trường hợp dự án thuộc danh mục CBDT cho giai đoạn 2026-2030 nhưng sớm hoàn thiện thủ tục đầu tư trong năm 2025 thì có thể chuyển sang danh mục KCM năm 2025)</b>			<b>1.910.453</b>	<b>1.526.028</b>	-	-	-	<b>979.139</b>	<b>950.385</b>	<b>599.139</b>	<b>380.000</b>	-	<b>20.000</b>	<b>- 20.000</b>	-	<b>380.000</b>	<b>48</b>	
XV.1	<b>BÓ TRÍ VỐN CHO CÔNG TÁC GPMB, XDCB, THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỐI CÔNG MỚI NĂM 2025 (Trong đó: Danh mục dự án, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)</b>			<b>1.843.484</b>	<b>1.484.059</b>	-	-	-	<b>230.000</b>	<b>478.000</b>	<b>120.000</b>	<b>350.000</b>	-	-	-	-	<b>350.000</b>	<b>45</b>	
<b>1</b>	<b>GIAO THÔNG</b>																		
	- Cải tạo, nâng cấp đường Phong Quang, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	151/NQ-HĐND (09/12/23)	70.000	35.000					25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng cầu Thiệu, xã Nam Hải, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	1022/CTĐT (10/5/24)	14.900	14.900					14.900	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hải Anh, huyện Hải Hậu (Đoạn từ Đền Ba Bà Chúa đến Quốc lộ 37B)	UBND huyện Hải Hậu	34/NQ-HĐND (09/4/24)	31.100	25.000					25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Hồng - Nam Thanh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	86/NQ-HĐND (23/8/24)	67.000	33.500					5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp đường số 6 (đường du lịch vào làng nghề cây cảnh Vĩ Khê), xã Điền Xá (nay là xã Nam Điền), huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	73/NQ-HĐND (11/7/24)	43.000	43.000				21.500	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Cải tạo nâng cấp tuyến đường Bằng Khang (đoạn từ đường kết nối đê tá Đáy - 57B đến đường kênh Lý Tự Trọng) huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1255/CTĐT (13/6/24)	14.900	14.900					-	-						1		
	- Hoàn trả hệ thống giao thông, kênh mương thủy lợi nội đồng và các hạng mục công trình khác để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Doanh trại Trung đoàn bộ binh 8/Sư đoàn bộ binh 395/Quân khu 3	UBND huyện Nam Trực	106/NQ-HĐND (20/9/24)	31.000	31.000					-	-						1		
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường An Cường (kết nối xã Hải An, huyện Hải Hậu và thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh)	Sở GTVT	TB231 (26/9/24)	85.000	42.500					-	-						1		
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã đoạn từ nút giao công làng Quan Thiều, xã Tân Minh đến cầu Đồng Lương, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	TB251 (25/10/24) 1369/UBND-VP5 (11/11/24)	30.000	15.000					-	-						1		
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến huyện lộ Trung - Hòa (Đoạn từ cầu chợ Đền đến chùa Lương xã Hải Anh)	UBND huyện Hải Hậu	394/TTr-UBND huyện (27/11/24)	14.900						-	-						1		
<b>2</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>																		
	- Nạo vét, kê gia cố mái kênh CT25, kênh CT25B và kênh CT28 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Ninh	153/NQ-HĐND (09/12/23)	30.000	30.000				20.000	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Xây dựng kê kênh T5 và cải tạo nâng cấp tuyến đường Thành Lộc, huyện Mỹ Lộc	UBND TP Nam Định	TB145 (24/6/24)	143.200	71.600				5.000	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Xây dựng công Ông Hùng kết hợp cải tạo, nâng cấp đoạn cuối tuyến đê bồi Yên Lộc, huyện Ý Yên	Sở NN&PTNT	71/NQ-HĐND (11/7/24)	25.000	25.000					-	-						1		
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Thứ Nhất, kênh CT9-12, kênh CB2 (Đoạn cuối) thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Ninh	TB262 (08/11/24)	14.900	14.900					-	-						1		
	- Kê gia cố và cải tạo đường bờ kênh Hải Ninh 20 (đoạn qua thôn Dịch Diệp, xã Trực Chính, huyện Trực Ninh)	UBND huyện Trực Ninh	TB263 (14/11/24)	14.900	14.900					-	-						1		
	- Nạo vét, kiên cố hóa Kênh Trẹ 7 (Đoạn từ cầu Bồn Nhuận đến khu vực nhà văn hóa xóm 24 xã Hải Anh), huyện Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	395/TTr-UBND huyện (27/11/24)	14.900						-	-						1		



Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
<b>3</b>	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>																		
	- Xây dựng, cải tạo Khu nội trú trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	943/CTĐT (04/5/24)	14.900	14.900				14.900	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Cải tạo, sửa chữa Cùm nhà ở sinh viên tập trung thành phố Nam Định	Sở Xây dựng	830/CTĐT (23/4/24)	14.500	14.500				14.500	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Xây dựng mới trường THPT Nguyễn Huệ, thành phố Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	84/NQ-HĐND (23/8/24)	215.000	215.000				5.000	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Xây dựng, cải tạo Trường THPT Lê Quý Đôn, huyện Trực Ninh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	104/NQ-HĐND (20/9/24)	40.000	40.000				2.000	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tống Văn Trân, huyện Ý Yên	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	158/NQ-HĐND (10/12/24)	44.000	44.000					-	-	-	-	-	-	-	1		
<b>4</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>																		
	- Đối ứng dự án Xây dựng mới trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	194-TB/VPTU (25/11/22) 122/QĐ-VKSTC (10/11/23)	90.000	24.000				24.000	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Xây dựng, cải tạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2476 (12/11/24)	14.884	14.884				14.900	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Cải tạo trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	111/CTĐT (16/01/24)	14.900	14.900				14.900	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Xây dựng lắp đặt thang máy, mái tôn chống nóng và một số hạng mục phụ trợ thuộc trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	193/CTĐT (23/01/24)	3.000	3.000				3.000	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Xây dựng nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	70/NQ-HĐND (11/7/24)	30.000	30.000				15.000	-	-	-	-	-	-	-	1		

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng, cải tạo Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	69/NQ-HĐND (11/7/24)	46.000	46.000					23.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng, nâng cấp các hạng mục công trình thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở VH TT&DL	83/NQ-HĐND (23/8/24)	69.000	69.000					2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định	Sở KH&ĐT	TB'265 (15/11/24)	14.900	14.900						-	-	-	-	-	-	-	-	1
<b>5</b>	<b>Y TẾ, DẪN SÓ VÀ GIA ĐÌNH</b>																		
	- Mua sắm trang thiết bị y tế nâng cao năng lực chuyên môn đơn nguyên chạy thận nhân tạo và khoa phục hồi chức năng của Trung tâm Y tế thành phố Nam Định	Trung tâm Y tế thành phố Nam Định	2561/CTĐT (21/12/23)	14.900	14.900					14.900	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Mua sắm Hệ thống chụp cộng hưởng từ phục vụ hoạt động chuyên môn tại Bệnh viện Đa khoa huyện Hải Hậu	Bệnh viện ĐK huyện Hải Hậu	20/NQ-HĐND (13/3/24)	26.500	20.000					20.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Đầu tư mua sắm trang thiết bị khoa Ngoại Tổng hợp - Gây mê hồi sức và khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn của Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	Bệnh viện Nhi	3862/BC-SKH&ĐT (14/11/24)	14.900						14.900	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Mua sắm trang thiết bị y tế nâng cao năng lực chuyên môn Ngoại khoa và Hồi sức tích cực - Chống độc Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh	154/NQ-HĐND (10/12/24)	29.000	29.000					30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Mua sắm trang thiết bị để nâng cao năng lực hoạt động chạy thận nhân tạo tại các đơn vị trong hệ thống y tế tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025	Sở Y tế	156/NQ-HĐND (10/12/24)	49.000	49.000					49.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Đầu tư triển khai bệnh án điện tử tại bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Bệnh viện ĐK huyện Hải Hậu	103/NQ-HĐND (20/9/24)	27.500	20.000						-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng Nhà điều trị 7 tầng khối Nội và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Hải Hậu	Bệnh viện ĐK huyện Hải Hậu	155/NQ-HĐND (10/12/24)	219.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
<b>6</b>	<b>AN NINH TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI</b>																		

Số TT	Danhs mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số						Trong đó: NS tỉnh	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao		KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Xây dựng Nhà công vụ, nhà khách thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	843-TB/TU (24/8/23) 862/UBND-VP5 (30/8/23) 5494/QĐ-BCA-H02 (24/7/24)	86.300	21.575				20.000	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Công trình an ninh mật (mật danh: HT-NNT.CAT)	Công an tỉnh		14.900						-	-						1		
	- Công trình an ninh Mật (Mật danh: PCNH.2)	Công an tỉnh		14.900						-	-						1		
<b>7</b>	<b>QUỐC PHÒNG</b>																		
	- Cải tạo, nâng cấp doanh trại Bệnh xá Quân dân y thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	2333/CTĐT (22/11/23)	14.900	14.900			50.000	14.900	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa truyền thống, nhà kho hậu cần kỹ thuật và một số hạng mục phụ trợ thuộc cơ quan Bộ CHQS tỉnh Nam Định	BCH Quân sự tỉnh	1368/CTĐT (28/6/24)	14.900	14.900				10.000	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Công trình quân sự (Mật danh: KG2024-NKT/KVKD)	BCH Quân sự tỉnh		14.900					10.000	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Công trình quân sự (Mật danh: HH2022-HN1/CCHP)	BCH Quân sự tỉnh		14.900					14.900	-	-	-	-	-	-	-	1		
	- Công trình quân sự (Mật danh: YY2022-DH1/CCCD)	BCH Quân sự tỉnh		14.900					14.900	-	-	-	-	-	-	-	1		
<b>8</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>																		
	- Xây dựng công nghệ thông tin điện tử GIS tỉnh Nam Định	Sở TNMT	792/CTĐT (17/4/24)	14.900	14.900				14.900	-	-	-	-	-	-	-	1		
<b>9</b>	<b>Bổ trí vốn cho công tác GPMB, XDCB, thực hiện các chương trình, dự án dự kiến khởi công mới khác có thể phát sinh trong năm 2025 theo thông báo hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền</b>																		

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
XV.2	<b>BỔ TRÍ VỐN CHO CÔNG TÁC GPMB, XDCB, CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KCM GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ CÔNG</b> (Trong đó: Danh mục dự án, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)																		
1	<b>GIAO THÔNG</b>																		
	- Xử lý đảm bảo giao thông tại các nút giao trên hệ thống đường tỉnh	Sở GTVT	162/NQ-HĐND (10/12/24)	18.600	18.600														1
	- Xử lý đảm bảo giao thông tại các vị trí Trường học trên các tuyến đường tỉnh	Sở GTVT	163/NQ-HĐND (10/12/24)	23.700	23.700														1
	- Xây dựng, cải tạo tuyến nhánh đường tỉnh 489 đoạn từ đê Giao An (ĐT.489) đến vườn quốc gia Xuân Thủy, huyện Giao Thủy	Sở GTVT	TB204 (20/8/24)	130.000	130.000														1
	- Cải tạo, nâng cấp đường, kênh liên xã Hồng Quang - Tân Thịnh (đoạn từ cầu Đứa đến trung tâm RD Syngenta)	UBND huyện Nam Trực	TB284 (04/12/24)	80.000	80.000														1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Thái Sơn, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	TB285 (04/12/24)	55.000	55.000														1
	- Xây dựng tuyến đường gom hai bên đường cao tốc Bắc – Nam phía Đông kết nối liên vùng tỉnh Nam Định đến Hà Nam	Sở GTVT	3786/TTr-SGTVT (29/11/24)	3.500.000															1
	- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Nam Định	BQL các KCN tỉnh	1364/BQLC KCN-ĐTQH (23/10/24)	1.100.000															1
	- Mở rộng, nâng cấp cải tạo ĐT.489C đoạn từ ĐT.484 đến bến phà Sa Cao (đã được Quy hoạch thành QL.39B)	Sở GTVT	2514/SGTVT -QLCL (26/8/24)	1.000.000															1
	- Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới Thành phố Nam Định đến Đường trục phát triển kinh tế biển tỉnh Nam Định (tuyến tránh giảm tải cho QL.10) và tuyến nhánh	Sở GTVT	3783/TTr-SGTVT (29/11/24)	4.300.000															1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Xây dựng tuyến đường bộ mới Trục Tuấn – Yên Định (đoạn từ đường Nam Định – Lạc Quan – Đường bộ ven biển đến thị trấn Yên Định huyện Hải Hậu)	Sở GTVT	3785/TTr-SGTVT (29/11/24)	3.500.000													1		
	- Xây dựng tuyến đường bộ mới Lạc Quan – Giao Thủy (đoạn từ đường Nam Định – Lạc Quan – Đường bộ ven biển đến trung tâm TT. Giao Thủy)	Sở GTVT	3784/TTr-SGTVT (29/11/24)	1.500.000													1		
	- Xây dựng tuyến đường liên huyện Trục Ninh - Nam Trục (Đoạn từ Quốc lộ 21 đến đường tỉnh 487)	UBND huyện Trục Ninh	258/TTr-UBND huyện (16/10/24)	190.000													1		
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Hải Lợi, huyện Nam Trục (đoạn từ cầu Ghềnh đến đường Hoa Lợi Hải)	UBND huyện Nam Trục	320/TTr-UBND huyện (27/8/2024)	40.000													1		
	- Cảng khách trên sông Vop	Sở GTVT	3038/TTr-SGTVT (03/10/24)	90.000													1		
	- Xây dựng tuyến đường từ vòng xuyên đường nội thị trấn Cát Thành đến TL488B trên địa bàn huyện Trục Ninh	UBND huyện Trục Ninh	317/TTr-UBND huyện (29/11/24)	95.000													1		
	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông và kết cấu hạ tầng đô thị mới Đại Đồng, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	436/TTr-UBND huyện (23/10/24)	250.000													1		
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải (đoạn từ TL488B đến đê sông Ninh Cơ và tuyến nhánh) trên địa bàn xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh	UBND huyện Trục Ninh	316/TTr-UBND huyện (29/11/24)	50.000													1		
	- Bỏ trí vốn chuẩn bị đầu tư cho dự án Xây dựng tuyến đường cao tốc Hà Nam - Nam Định (CT.11), giai đoạn 1 từ thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đến thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Sở GTVT	2038/QĐ-UBND (30/9/24)	3.959	3.959												1		
	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông và kết cấu hạ tầng thị trấn Giao Thủy, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	3838/TTr-SKH&ĐT (13/11/24)	300.000													1		
	- Xây dựng tuyến đường ven đê Tả Đáy (đoạn từ QL10 đến QL38B)	UBND huyện Ý Yên	341/TTr-UBND huyện (08/11/24)	300.000													1		
	- Xây dựng đường Trung - Thái - Châu kết nối từ TL.490C đến ĐT.490 huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	298/TTr-UBND huyện (25/11/24)	200.000													1		

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Nâng cấp, cải tạo tuyến đường phát triển Du lịch - Kinh tế - Xã hội khu vực biển Giao Thủy, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	482/TTr-UBND huyện (25/11/24)	200.000														1	
	- Ngân sách tỉnh đối ứng Dự án ODA: Đường địa phương - tỉnh Nam Định (Dự án LRAMP-FO tỉnh Nam Định vay vốn WB)	Sở GTVT	1316/UBND-VP5 (18/12/23) 1167-TB/TU (03/7/24)	286.000														1	
	- Ngân sách tỉnh bổ trí vốn GPMB dự án ODA: Xây dựng cầu Ninh Cường vượt sông Ninh Cơ trên Quốc lộ 37B (Dự án do Ban Quản lý dự án Thăng Long làm chủ đầu tư)	UBND các huyện Nghĩa Hưng, Trực Ninh	22/QĐ-TTg (07/01/22) 413/QĐ-BGTVT (09/4/24) 747/QĐ-BGTVT (18/6/24)	52.220	52.220				20.000	55.119	20.000			20.000	- 20.000			1	
<b>2</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>																		
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Côn Nhất 5, kênh Rộc 1, kênh Rộc 1-3, kênh Tàu 2-2 và các công trình trên tuyến thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy	Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy	153/NQ-HĐND (10/12/24)	60.000	60.000													1	
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh S25 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản	Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản	1984/CTĐT (20/9/24)	14.900	14.900													1	
	- Xử lý đột xuất kè Côn Tư đoạn từ K5+240 - K5+910 thuộc tuyến đê cửa sông hữu Hồng, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2091/CTĐT (09/10/24)	14.900	14.900													1	
	- Xây dựng hệ thống mô kè kết hợp thêm cơ giữ bãi thuộc hệ thống đê biển tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	3022/SNN-QLXDCT (26/8/24)	600.000														1	
	- Nâng cấp, mở rộng, kiên cố hóa hệ thống đê điều huyện Ý Yên (Đoạn từ K137+516 đến K169+716 thuộc đê Tả Đáy và đoạn từ K17+836 đến K25+530 thuộc đê Hữu Đáo)	UBND huyện Ý Yên	1045/UBND-TCKH (26/8/24)	540.000														1	
	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh lưu vực tiêu Mã và công trình trên tuyến trên địa bàn huyện Xuân Trường, thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy	UBND huyện Xuân Trường	3996/TTr-SKHĐT (22/11/24)	350.000														1	
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh Rộc - Múc - Doanh Châu C và một số kênh nhánh, công trình trên tuyến thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	3995/TTr-SKHĐT (22/11/24)	350.000														1	

Số TT	Danhs mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Xây dựng kiên cố hóa kênh mương và hoàn thiện các công trình trên tuyến huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	463/TTr-UBND huyện (11/11/24)	300.000														1	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến bờ, đê tả sông Sò đoạn từ cầu Nam Điền B đến cầu Hà Lan, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	481/TTr-UBND huyện (25/11/24)	285.000														1	
	- Nâng cấp đê hữu Ninh và các kè trên tuyến	Sở NN&PTNT	3022/SNN-QLXDCT (26/8/24)	239.000														1	
	- Nâng cấp kênh Xuân Châu, kênh Đồng Nê, các công trình trên tuyến và 05 tuyến nhánh thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	2538/TTr-SKHĐT (19/8/2024)	150.000														1	
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh chính và công trình trên tuyến gắn với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu một số xã phía Nam huyện Giao Thủy, thuộc hệ thống thủy lợi Xuân Thủy	UBND huyện Giao Thủy	429/TTr-UBND huyện (22/10/24)	50.000														1	
	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh S19 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản, tỉnh Nam Định	UBND huyện Vụ Bản	304/TTr-UBND huyện (26/11/24)	45.000														1	
	- Nạo vét, kè gia cố mái kênh và nâng cấp đường bờ kênh Ngòi Kéo, kênh Thốp thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu, huyện Trực Ninh	UBND huyện Trực Ninh	266/TTr-UBND huyện (23/10/24)	200.000														1	
	- Nâng cấp kênh Múc 3a, kênh Múc 3b, kênh Múc 11 và các tuyến nhánh thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Hải Hậu	468/TTr-CT (19/11/24)	68.000														1	
	- Xây dựng via hè, kiên cố hóa bờ kênh CT19, CT20 và cải tạo cảnh quan tuyến đường TL485B huyện Nam Trực phục vụ huyện nông thôn mới nâng cao kiểu mẫu	UBND huyện Nam Trực	368/TTr-UBND huyện (21/10/24)	48.000														1	
	- Cải tạo, nâng cấp kênh Quần Vinh II, kênh Quỳ Nhất II, kênh Âm Sa 14a thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nghĩa Hưng	130/TTr-CTy (15/11/24)	105.000														1	
	- Cải tạo, nâng cấp kênh Bình Hải II, thuộc hệ thống thủy nông huyện Nghĩa Hưng	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nghĩa Hưng	107/TTr-CT (28/10/24)	95.000														1	
3	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>																		

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng mới Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	TB95 (28/5/20)	710.000	710.000				300.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Xây dựng, cải tạo trường THPT Nguyễn Trãi, huyện Trực Ninh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	TB275 (03/12/24)	44.000	44.000						-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Xây dựng, cải tạo trường THPT Hoàng Văn Thụ, huyện Vụ Bản	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1327-TB/TU (22/11/24)	29.900	29.900						-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Xây dựng cơ sở 2 trường Trung cấp giao thông vận tải Nam Định	Sở GTVT	3433/TTr-SGTVT (30/10/24)	205.000							-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Xây dựng, mở rộng, cải tạo trường THPT Nam Trực, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2367/TTr-SGDĐT (03/12/24)	65.000							-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Xây dựng cải tạo Trường THPT Trần Hưng Đạo thành phố Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	3988/TTr-SKHĐT (22/11/24)	80.000							-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Xây dựng, cải tạo và nâng cấp trường THPT Trần Văn Lan, thành phố Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	3772/TTr-SKH&ĐT (08/11/24)	60.000							-	-	-	-	-	-	-	1	
<b>4</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>																		
	- Xây dựng, cải tạo và nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Y tế tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	3863/TTr-SKH&ĐT (14/11/24)	46.000						2.000	-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Xây dựng trụ sở Báo Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	61-TTr/BND (07/7/23)	30.000						1.000	-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định	Sở LĐ TB&XH	105/TTr-LĐTBXH (09/10/24)	14.900							-	-	-	-	-	-	-	1	



Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Nam Định thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (Trụ sở làm việc cũ của Chi cục Thuế thành phố Nam Định) tại số 73 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Nam Định	Sở TNMT	3013/TTr-STNMT (19/7/2024)	25.000													1		
<b>5</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>																		
	- Xây dựng mới nhà điều trị kỹ thuật cao 13 tầng và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Hải Hậu	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1778/SYT-KHTC (26/8/24)	600.000													1		
	- Xây dựng nhà khám chữa bệnh, khu hành chính và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	172/TTr-SYT (29/11/24)	60.000													1		
	- Đầu tư triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh	3280/TTr-BVT (03/12/24)	30.000													1		
	- Đầu tư triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện Mắt tỉnh Nam Định	Bệnh viện Mắt	24/TTr-BVM (19/11/24)	15.000													1		
	<b>NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ 50% TMDT ĐỂ ĐẦU TƯ CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỖI HUYỆN 01 TRUNG TÂM Y TẾ (Riêng Thành phố Nam Định đầu tư 100% từ nguồn vốn phân cấp ngân sách thành phố; huyện Hải Hậu không dự kiến nâng cấp trung tâm y tế do đã tập trung nguồn vốn đầu tư cho bệnh viện huyện thành bệnh viện trung tâm phía nam tỉnh; huyện Trực Ninh dự kiến bố trí vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất của huyện để KCM dự án trong năm 2025):</b>																		
	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	1333/UBND-KHTT (10/10/24)	6.000													1		
	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	1224/UBND-TCKH (14/10/24)	150.000													1		
	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	1433/UBND-TCKH (10/10/24)	100.000													1		

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1286/UBND-TCKH (11/10/24)	56.000														1	
	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	1071/UBND-TCKH (14/10/24)	30.000														1	
	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	275/TTr-UBND huyện (31/10/24)	110.000														1	
<b>6</b>	<b>AN NINH TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI</b>																		
	- Xây dựng trụ sở Công an các xã, thị trấn	Công an tỉnh	4751/CAT-PH10 (26/8/24)	260.000														1	
	- Triển khai hệ thống camera giám sát an ninh trật tự và xử lý vi phạm giao thông trên địa bàn tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	6620/TTr-CAT-PTM (05/11/24)	150.000														1	
	- Công trình an ninh Mật (Mật danh: CAT.1982024)	Công an tỉnh		100.000														1	
	- Công trình an ninh Mật (Mật danh: CAT0910.2024)	Công an tỉnh		130.000														1	
<b>7</b>	<b>QUỐC PHÒNG</b>																		
	- Xây dựng mới và nâng cấp, cải tạo một số hạng mục Trạm kiểm soát Biên phòng Cửa khẩu Cảng Hải Thịnh, thuộc BCH BDBP tỉnh Nam Định	BCH BDBP tỉnh	2174/TTr-BCH (05/11/2024)	45.000					15.000									1	
	- Công trình quân sự (Mật danh: CCHCKT-GĐ1/ND-2024)	BCH Quân sự tỉnh		50.000					2.000									1	
	- Xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo một số hạng mục Đồn Biên phòng Quất Lâm (88) thuộc Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Nam Định	BCH BDBP tỉnh	184/TTr-BCH (25/01/24)	15.000														1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Xây dựng công trình biên phòng đảm bảo an ninh, biên giới biển	BCH BDBP tỉnh	1704/BC-BCH (23/8/24)	100.000														1	
	- Xây dựng công trình trong KVPT tỉnh	BCH Quân sự tỉnh	3410/BC-BCH (23/8/24)	200.000														1	
<b>8</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>																		
	- Mua sắm trang thiết bị thực hiện Đề án 06/CP	Công an tỉnh	2072/TTr-CAT-PHC (23/4/24)	48.000			100.000	30.000			-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Xây dựng CSDL các ngành, các lĩnh vực phục vụ phát triển CSDL dùng chung, dữ liệu mở tỉnh Nam Định	Sở TTTT	921/STTT-VP (26/8/24)	200.000														1	
<b>9</b>	<b>VĂN HÓA</b>																		
	- Xây dựng Nhà hát nghệ thuật truyền thống tại đường Nguyễn Du thành phố Nam Định	Sở VH TT&DL	2113/TTr-SVHTTDL (22/11/24)	69.000							-	-						1	
	- Xây dựng, cải tạo rạp Bình Minh, Thư viện, Bảo tàng, Trung tâm điện ảnh sinh viên tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	1287/TTr-SVHTTDL (05/8/24)	120.000							-	-						1	
	- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phát huy hiệu quả đầu tư, đảm bảo tính kết nối dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1197/TTr-BQLDA (13/9/24)	239.000							-	-						1	
	- Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Văn hóa - Thể thao thanh thiếu niên tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	72-TTr/TĐT-VP (27/9/24)	47.000							-	-						1	
<b>10</b>	<b>DU LỊCH</b>																		
	- Đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng và cảnh quan khu du lịch Quất Lâm, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	437/TTr-UBND huyện (23/10/24)	450.000							-	-						1	
	- Xây dựng hạ tầng Khu du lịch vườn Quốc gia Xuân Thủy, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	575/BC-UBND huyện (09/10/24)	200.000														1	
<b>11</b>	<b>MÔI TRƯỜNG</b>																		

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số						Trong đó: NS tỉnh	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao		KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Ngân sách tỉnh đối ứng dự án Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị thích ứng biến đổi khí hậu tại thành phố Nam Định, vay vốn ADB	UBND TP Nam Định	1165/UBND-VP5 (30/9/24)	1.201.877														1	
12	Các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030 và các khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đầu tư công khác có thể phát sinh thêm trong năm 2025 theo thông báo hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền																		
XV.3	<b>DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI DỪNG THỰC HIỆN KHÔNG BỎ TRÍ VỐN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>			<b>66.969</b>	<b>41.969</b>	-	-	-	<b>31.969</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	3	
	- Cải tạo, nâng cấp kênh Tiên Phong 16 và kênh KT2 thuộc vùng nuôi trồng thủy sản thị trấn Rang Đông, huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	1236 (26/6/23)	14.999	14.999				14.999	-	-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Thăm dò, khai quật khảo cổ khu “viên hoa cảm địa” tại thôn Tiên, xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (VB số 831/UBND-VP5 ngày 22/7/2024 về dừng triển khai lập dự án)	Bảo tàng tỉnh	838 CTĐT (05/5/22)	1.970	1.970				1.970	-	-	-	-	-	-	-	-	1	
	- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 485B và đường Vàng B, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	322/TTr-SKH&ĐT (31/01/24)	50.000	25.000				15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1	
C	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>			<b>18.953.358</b>	<b>9.782.114</b>	-	<b>5.530.575</b>	<b>2.764.647</b>	<b>4.585.872</b>	<b>5.254.014</b>	<b>421.880</b>	<b>382.616</b>	<b>4.625.136</b>	<b>1.605.516</b>	<b>962.836</b>	<b>889.442</b>	<b>512.037</b>	<b>655.305</b>	43
C.1	<b>CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>			<b>16.579.198</b>	<b>9.122.462</b>	-	<b>5.530.575</b>	<b>2.764.647</b>	<b>4.576.872</b>	<b>4.712.362</b>	<b>338.428</b>	<b>373.616</b>	<b>4.541.684</b>	<b>1.605.516</b>	<b>962.836</b>	<b>889.442</b>	<b>508.015</b>	<b>575.875</b>	35
I	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>			<b>204.578</b>	<b>149.736</b>	-	<b>16.643</b>	<b>2.168</b>	<b>5.254</b>	<b>5.254</b>	-	<b>586</b>	<b>4.668</b>	<b>2.168</b>	-	-	-	<b>2.500</b>	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			<b>32.032</b>	-	-	<b>16.643</b>	<b>2.168</b>	<b>1.868</b>	<b>1.868</b>	-	-	<b>1.868</b>	<b>1.868</b>	-	-	-	-	1
a.1	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			<b>32.032</b>	-	-	<b>16.643</b>	<b>2.168</b>	<b>1.868</b>	<b>1.868</b>	-	-	<b>1.868</b>	<b>1.868</b>	-	-	-	-	1
	- Xây dựng Trung Tâm dạy nghề kiểu mẫu huyện Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	2331 (03/11/10) 1633 (26/9/11)	32.032		2927 (21/12/18)	16.643	2.168	1.868	1.868	-	-	1.868	1.868	-	-	-	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			<b>172.546</b>	<b>149.736</b>	-	-	-	<b>3.386</b>	<b>3.386</b>	-	<b>586</b>	<b>2.800</b>	<b>300</b>	-	-	-	<b>2.500</b>	1
	- Xây dựng Trường Trung cấp nghề Thủ công Mỹ nghệ truyền thống Nam Định	Trường CD kinh tế và công nghệ Nam Định	2563 (28/10/09) 1773 (30/8/10)	172.546	149.736				3.386	3.386		586	2.800	300				2.500	1
II	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>			<b>4.277.020</b>	<b>2.724.932</b>	-	<b>1.525.664</b>	<b>587.836</b>	<b>639.422</b>	<b>731.936</b>	<b>24.940</b>	<b>140.402</b>	<b>523.960</b>	<b>245.385</b>	<b>117.764</b>	<b>50.026</b>	<b>49.760</b>	<b>61.025</b>	17
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			<b>1.411.537</b>	<b>712.216</b>	-	<b>1.092.531</b>	<b>476.631</b>	<b>283.200</b>	<b>285.337</b>	<b>365</b>	<b>36.947</b>	<b>246.618</b>	<b>108.269</b>	<b>90.168</b>	<b>28.606</b>	<b>16.850</b>	<b>2.725</b>	9

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
<b>a.1</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</b>			<b>268.087</b>	<b>84.387</b>	-	<b>265.462</b>	<b>151.067</b>	<b>38.639</b>	<b>38.639</b>	-	-	<b>38.639</b>	<b>38.639</b>	-	-	-	-	<b>2</b>
	- Nạo vét, kiên cố kênh Thanh Quan, thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	144 (19/01/16) 944 (09/5/16) 2137 (19/9/17)	115.092	15.092	2406 (30/10/18)	113.703	60.708	14.700	14.700	-	-	14.700	14.700	-	-	-	-	1
	- Nạo vét, kiên cố kênh Cát Xuyên (tuyến chính), thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	145 (19/01/16) 171 (21/01/19) 1504 (22/7/19)	152.995	69.295	2383 (25/10/19)	151.759	90.359	23.939	23.939	-	-	23.939	23.939	-	-	-	-	1
<b>a.2</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</b>			<b>473.974</b>	<b>349.274</b>		<b>195.008</b>	<b>84.424</b>	<b>55.381</b>	<b>55.746</b>	<b>365</b>	-	<b>55.746</b>	<b>31.730</b>	<b>24.016</b>	-	-	-	<b>2</b>
	- Nâng cấp, cải tạo trung tâm giống thủy sản tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1861 (17/10/14) 2081 (25/9/18)	82.539	10.739	2818 (26/11/20)	80.128	22.444	14.066	14.066	-	-	14.066	300	13.766	-	-	-	1
	- Củng cố, nâng cấp các đoạn đê, kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh	Sở NN&PTNT	1681 (18/10/13) 57/UBND-VP3 (22/01/18)	391.435	338.535	2902 (29/12/21)	114.880	61.980	41.315	41.680	365	-	41.680	31.430	10.250	-	-	-	1
<b>a.3</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2023</b>			<b>150.799</b>	<b>38.579</b>		<b>143.342</b>	<b>31.122</b>	<b>30.429</b>	<b>30.429</b>	-	<b>7.457</b>	<b>22.972</b>	<b>300</b>	<b>15.060</b>	<b>7.612</b>	-	-	<b>1</b>
	- Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Đào, huyện Vụ Bản	Sở NN&PTNT	2393 (11/11/10); 1765 (19/10/11); 2433 (19/12/14); 230 (3/2/20); 1296 (29/5/20); 1348 (9/6/20) 1552 (10/8/23)	150.799	38.579	22 (05/01/24)	143.342	31.122	30.429	30.429	-	7.457	22.972	300	15.060	7.612	-	-	1
<b>a.4</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</b>			<b>178.114</b>	<b>87.866</b>	-	<b>166.591</b>	<b>76.343</b>	<b>64.654</b>	<b>66.426</b>	-	<b>8.770</b>	<b>55.884</b>	<b>8.600</b>	<b>24.260</b>	<b>15.674</b>	<b>7.350</b>	-	<b>2</b>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	UBND huyện Nghĩa Hưng	2461 (31/10/16) 2551 (18/11/19) 779 (12/4/21) 2151 (06/10/21) 928 (17/5/22)	109.700	33.772	2693 (29/12/23)	102.025	26.097	19.860	22.472		4.082	15.778	300	-	9.428	6.050	1	
	- Nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	UBND xã Bạch Long	2462 (31/10/16) 2550 (18/11/19) 1017 (12/5/21)	68.414	54.094	2530 (18/12/23)	64.566	50.246	44.794	43.954		4.688	40.106	8.300	24.260	6.246	1.300	1	
<b>a.5</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2025</b>			<b>340.563</b>	<b>152.110</b>	<b>-</b>	<b>322.128</b>	<b>133.675</b>	<b>94.097</b>	<b>94.097</b>	<b>-</b>	<b>20.720</b>	<b>73.377</b>	<b>29.000</b>	<b>26.832</b>	<b>5.320</b>	<b>9.500</b>	<b>2.725</b>	<b>2</b>
	- Cải tạo, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu trên tuyến đê sông tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	574 (12/3/21)	169.900	49.900	1199 (06/6/24)	151.842	31.842	49.900	49.900		18.058	31.842	-	20.722	500	8.100	2.520	1
	- Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp bến cá cửa Hà Lạn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1621 (24/10/12) 2679 (21/11/17) 2603 (21/11/19) 2937 (25/12/19) 96 (10/01/20) 472 (04/3/21) 562 (25/3/24)	170.663	102.210	1783 (21/8/24)	170.286	101.833	44.197	44.197		2.662	41.535	29.000	6.110	4.820	1.400	205	1
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>718.848</b>	<b>395.249</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>133.195</b>	<b>168.931</b>	<b>24.575</b>	<b>-</b>	<b>157.770</b>	<b>64.490</b>	<b>10.450</b>	<b>20.920</b>	<b>32.410</b>	<b>29.500</b>	<b>5</b>

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đê thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bàn, huyện Vụ Bàn, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bàn	2294 (29/10/10) 1624 (25/10/12) 1038 (20/5/19) 2514 (12/11/19) 806 (15/4/21) 1691 (10/8/21) 1134 (21/6/22) 1127/UBND-VP3 (05/11/24)	106.205	44.426			3.290	8.290	5.000		8.290	3.290	5.000	-	-		1	
	- Cải tạo, nâng cấp khẩn cấp tuyến đê tả sông Đào (từ K18+656 đến K30+073) huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1335 (12/8/13) 347 (04/3/14) 2515 (12/11/19) 505 (14/3/23)	128.200	63.294			45.043	62.994	10.773		55.816	20.300	1.650	11.496	19.870	2.500	1	
	- Củng cố, nâng cấp khẩn cấp tuyến đê hữu Hồng đoạn từ K156+621 đến K163+610, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1488 (16/9/13) 540 (25/3/14) 984 (07/5/21) 488 (13/3/23) 174/NQ-HĐND (10/12/24)	69.500	13.220			9.836	13.080	354		10.190	5.300	500	500	1.790	2.100	1	
	- Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ và phòng chống lụt bão tuyến đê biển tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1618 (24/10/12); 656 (02/5/13); 1034A (27/6/13) 985 (07/5/21)	254.943	193.213			300	300	2.500		2.800	300	-	-	-	2.500	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, công trình Hữu sông Hồng và đê tá Đảo huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1959 (01/10/10); 1689A (11/10/11); 1702 (21/10/13) 2373 (16/12/14) 1661 (11/8/16) 982 (07/5/21) 629 (30/3/23) 175/NQ- HĐND (10/12/24)	160.000	84.567				74.726	84.267	5.948		80.674	35.300	3.300	8.924	10.750	22.400	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			<b>2.146.635</b>	<b>1.617.467</b>	-	<b>433.133</b>	<b>111.205</b>	<b>223.027</b>	<b>277.668</b>	-	<b>103.455</b>	<b>119.572</b>	<b>72.626</b>	<b>17.146</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	<b>28.800</b>	<b>3</b>
	- Đầu tư Xây dựng cảng cá Quần Vinh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	222/HĐND- TT (30/10/15) 2437 (28/10/16) 2602 (21/11/19) 1677 (09/8/21) 469 (09/3/23) 173/NQ- HĐND (10/12/24)	200.000	112.260				90.960	110.960	31.360		59.600	30.300	-	-	500	28.800	1
	- Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đê hữu sông Hồng và đê tá sông Đào, TP Nam Định (Quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	1644 (27/9/11) 1393 (15/6/20) 950 (20/5/22) 2249 (06/12/22)	996.345	825.312	2963 (27/12/19) 2964 (27/12/19)	68.482	16.949	103.111	137.752	72.095		31.016	13.370	17.146	500	-		1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tá sông Đáy, huyện Nghĩa Hưng (Dự án quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	254 (18/02/11) 1341 (11/8/11) 79 (20/01/15)	950.290	679.895	2869 (14/12/18)	364.651	94.256	28.956	28.956	-		28.956	28.956	-	-	-	-	1
<b>III</b>	<b>GIAO THÔNG</b>			<b>10.923.563</b>	<b>5.668.217</b>	-	<b>3.661.104</b>	<b>2.031.139</b>	<b>3.727.021</b>	<b>3.719.715</b>	<b>288.488</b>	<b>218.609</b>	<b>3.796.900</b>	<b>1.289.775</b>	<b>814.830</b>	<b>752.186</b>	<b>437.759</b>	<b>502.350</b>	<b>9</b>
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>1.537.056</b>	<b>710.596</b>	-	<b>1.425.596</b>	<b>995.631</b>	<b>137.702</b>	<b>163.410</b>	<b>25.709</b>	-	<b>163.411</b>	<b>158.603</b>	<b>3.500</b>	<b>1.060</b>	<b>248</b>	-	<b>3</b>
<i>a.1</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</i>			<b>1.286.957</b>	<b>475.112</b>	-	<b>1.185.203</b>	<b>769.853</b>	<b>88.603</b>	<b>88.603</b>	-	-	<b>88.603</b>	<b>88.603</b>	-	-	-	-	<b>2</b>



Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp đường 487 tìm kiếm cứu hộ cứu nạn đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Nam Định	Sở GTVT	2004 (31/10/14) 1835 (14/8/17) 2964 (21/12/17) 112 (08/02/18) 2301 (18/10/18)	494.930	89.987	2431 (31/10/18)	475.246	378.886	81.986	81.986	-	-	81.986	81.986	-	-	-	-	1
	- Xây dựng Tỉnh lộ 488 đoạn từ đường 488C (50a cũ) đến Thị trấn Thịnh Long	Sở GTVT	218 (24/01/14) 927 (26/5/14) 1649 (22/9/14) 1868a (20/10/14) 1221 (29/6/15) 1629 (20/7/17)	792.027	385.125	2430 (31/10/18)	709.957	390.967	6.617	6.617	-	-	6.617	6.617	-	-	-	-	1
<b>a.3</b>	<b>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</b>			<b>250.099</b>	<b>235.484</b>		<b>240.393</b>	<b>225.778</b>	<b>49.099</b>	<b>74.807</b>	<b>25.709</b>	<b>-</b>	<b>74.808</b>	<b>70.000</b>	<b>3.500</b>	<b>1.060</b>	<b>248</b>	<b>-</b>	<b>1</b>
	- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 487B, tỉnh Nam Định	UBND huyện Nam Trực	1950 (07/9/18) 388 (27/02/20) 1103 (25/5/21) 2152 (06/10/21) 961 (24/5/22) 2429 (27/12/22)	250.099	235.484	3167 (31/12/20) 765 (19/4/23)	240.393	225.778	49.099	74.807	25.709		74.808	70.000	3.500	1.060	248		1
<b>b</b>	<b>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</b>			<b>3.693.007</b>	<b>2.196.490</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.533.624</b>	<b>1.698.791</b>	<b>262.779</b>	<b>30.046</b>	<b>1.766.357</b>	<b>426.918</b>	<b>154.887</b>	<b>680.691</b>	<b>302.511</b>	<b>201.350</b>	<b>4</b>
	- Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	132/QĐ-TTg (17/01/20) 1135 (15/5/20) 457 (02/3/21) 2590 (01/12/21) 1934 (19/10/22) 2731 (29/12/23)	2.655.270	1.340.270				1.012.574	1.158.270	243.796		1.256.370	172.075	120.500	563.891	273.904	126.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488C, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1958 (13/9/19) 457 (02/3/21) 2166 (07/10/21) 947 (19/5/22) 2741 (29/12/23) 1915 (06/9/24)	149.779	118.262				56.517	75.962	18.983		75.500	75.000	-	-	500		1
	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488B huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1767 (21/8/18) 1910 (09/9/19) 457 (02/3/21) 2524 (25/11/21) 2505 (28/12/22) 1916 (06/9/24)	324.050	274.050				133.024	133.050	12.386		120.638	91.962	1.205	7.500	14.671	5.300	1
	- Xây dựng Tỉnh lộ 485B đoạn từ đê tả sông Đào đến Quốc lộ 21B	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2331 (23/10/18) 457 (02/3/21) 2244 (18/10/21) 2592 (25/12/23)	563.908	463.908				331.509	331.509	17.660		313.849	87.881	33.182	109.300	13.436	70.050	1
<b>c</b>	<b>Các công trình chuyển tiếp</b>			<b>5.693.500</b>	<b>2.761.131</b>	<b>-</b>	<b>2.235.508</b>	<b>1.035.508</b>	<b>2.055.695</b>	<b>1.857.514</b>	<b>-</b>	<b>188.563</b>	<b>1.867.132</b>	<b>704.254</b>	<b>656.443</b>	<b>70.435</b>	<b>135.000</b>	<b>301.000</b>	<b>2</b>
	- Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1710 (31/7/17) 1410 (08/7/19) 1589/QĐ-TTg (15/10/20) 2806 (25/11/20) 457 (02/3/21) 2589 (01/12/21) 367 (21/02/24)	5.326.500	2.626.500	2725 (29/12/23)	2.235.508	1.035.508	1.940.695	1.758.883	95.063		1.845.632	684.254	656.443	69.935	135.000	300.000	1

Số TT	Danhs mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê tá Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1755 (21/7/20) 2370 (02/11/21) 921 (17/5/22) 227 (03/2/23) 401 (23/02/24) 1029 (13/5/24) 167/NQ-HĐND (10/12/24)	367.000	134.631				115.000	98.631		93.500	21.500	20.000	-	500	-	1.000	1
<b>IV</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>			<b>59.370</b>	<b>44.830</b>	-	<b>54.540</b>	<b>40.000</b>	<b>14.530</b>	<b>9.700</b>	-	<b>4.830</b>	<b>9.700</b>	<b>300</b>	<b>2.560</b>	<b>3.550</b>	<b>3.290</b>	-	<b>1</b>
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			59.370	44.830	-	54.540	40.000	14.530	9.700	-	4.830	9.700	300	2.560	3.550	3.290	-	1
a.3	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024			59.370	44.830	-	54.540	40.000	14.530	9.700	-	4.830	9.700	300	2.560	3.550	3.290	-	1
	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện Y học cổ truyền, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2138 (28/9/16) 2515 (06/11/18) 2640 (27/11/19) 3127 (30/12/20) 2142 (05/10/21) 1553 (10/8/23)	59.370	44.830	2075 (20/10/23)	54.540	40.000	14.530	9.700		4.830	9.700	300	2.560	3.550	3.290		1
<b>V</b>	<b>VĂN HÓA</b>			<b>874.029</b>	<b>364.129</b>	-	<b>137.515</b>	<b>16.515</b>	<b>138.405</b>	<b>200.744</b>	<b>25.000</b>	-	<b>163.405</b>	<b>52.790</b>	<b>5.615</b>	<b>80.000</b>	<b>15.000</b>	<b>10.000</b>	<b>2</b>
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			140.000	19.000	-	137.515	16.515	5.915	5.915	-	-	5.915	300	5.615	-	-	-	1
a.2	Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			140.000	19.000	-	137.515	16.515	5.915	5.915	-	-	5.915	300	5.615	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục quần thể lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	UBND huyện Xuân Trường	1787 (22/8/18) 1328 (05/6/20) 1386 (12/6/20) 115 (14/01/21)	140.000	19.000	2425 (09/11/21)	137.515	16.515	5.915	5.915		-	5.915	300	5.615	-	-	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			734.029	345.129	-	-	-	132.490	194.829	25.000	-	157.490	52.490	-	80.000	15.000	10.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
	- Đầu tư xây dựng khu Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2448 (30/10/17) 2547 (15/11/19) 2681 (09/11/20) 2111 (30/9/21) 2012 (01/11/22) 2424 (26/12/22)	734.029	345.129			132.490	194.829	25.000		157.490	52.490	-	80.000	15.000	10.000	1	
<b>VI</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>			<b>45.007</b>	<b>21.007</b>	-	<b>43.702</b>	<b>28.702</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	-	<b>300</b>	<b>300</b>	-	-	-	-	<b>1</b>	
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>45.007</b>	<b>21.007</b>	-	<b>43.702</b>	<b>28.702</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	-	<b>300</b>	<b>300</b>	-	-	-	-	<b>1</b>	
<i>a.1</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021</i>			<i>45.007</i>	<i>21.007</i>		<i>43.702</i>	<i>28.702</i>	<i>300</i>	<i>300</i>	-	<i>300</i>	<i>300</i>	-	-	-	-	<i>1</i>	
	- Phát triển hạ tầng khung Chính phủ điện tử tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020	Sở TTTT	2361 (24/10/16) 2094 (27/9/19)	45.007	21.007	2911 (08/12/20)	43.702	28.702	300	300	-	300	300	-	-	-	-	1	
<b>VII</b>	<b>KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ</b>			<b>92.731</b>	<b>76.621</b>	-	<b>28.727</b>	<b>12.617</b>	<b>10.567</b>	<b>10.567</b>	-	<b>10.567</b>	<b>300</b>	<b>10.267</b>	-	-	-	<b>1</b>	
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>92.731</b>	<b>76.621</b>	-	<b>28.727</b>	<b>12.617</b>	<b>10.567</b>	<b>10.567</b>	-	<b>10.567</b>	<b>300</b>	<b>10.267</b>	-	-	-	<b>1</b>	
<i>a.2</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022</i>			<i>92.731</i>	<i>76.621</i>		<i>28.727</i>	<i>12.617</i>	<i>10.567</i>	<i>10.567</i>	-	<i>10.567</i>	<i>300</i>	<i>10.267</i>	-	-	-	<i>1</i>	
	- Giai đoạn I dự án Xây dựng tuyến đường gom, đường vào khu công nghiệp Mỹ Trung, tỉnh Nam Định	BQL các KCN tỉnh	1372 (19/6/17) 1511 (23/7/19)	92.731	76.621	2379 (23/9/20)	28.727	12.617	10.567	10.567	-	10.567	300	10.267	-	-	-	1	
<b>VIII</b>	<b>KHO TÀNG</b>			<b>70.900</b>	<b>53.890</b>	-	<b>62.680</b>	<b>45.670</b>	<b>16.300</b>	<b>15.346</b>	-	<b>954</b>	<b>15.346</b>	<b>11.198</b>	<b>3.300</b>	-	<b>848</b>	-	
<b>a</b>	<b>Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán</b>			<b>70.900</b>	<b>53.890</b>	-	<b>62.680</b>	<b>45.670</b>	<b>16.300</b>	<b>15.346</b>	-	<b>954</b>	<b>15.346</b>	<b>11.198</b>	<b>3.300</b>	-	<b>848</b>	-	
<i>a.3</i>	<i>Các công trình quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2024</i>			<i>70.900</i>	<i>53.890</i>		<i>62.680</i>	<i>45.670</i>	<i>16.300</i>	<i>15.346</i>	-	<i>954</i>	<i>15.346</i>	<i>11.198</i>	<i>3.300</i>	-	<i>848</i>	-	
	- Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2401A (12/11/15) 2907 (19/12/18) 2569 (19/11/19) 3128 (30/12/20) 2864 (27/12/21) 1547 (10/8/23)	70.900	53.890	2115 (01/10/21) 2062 (19/10/23)	62.680	45.670	16.300	15.346	954	15.346	11.198	3.300	-	848	-	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số						Trong đó: NS tỉnh	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	KH năm 2023 đã giao		KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
<b>IX</b>	<b>XÃ HỘI</b>			<b>32.000</b>	<b>19.100</b>	-	-	-	<b>25.073</b>	<b>18.800</b>	-	<b>8.235</b>	<b>16.838</b>	<b>3.300</b>	<b>8.500</b>	<b>3.680</b>	<b>1.358</b>	-	<b>1</b>
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<i>32.000</i>	<i>19.100</i>	-	-	-	<i>25.073</i>	<i>18.800</i>	-	<i>8.235</i>	<i>16.838</i>	<i>3.300</i>	<i>8.500</i>	<i>3.680</i>	<i>1.358</i>	-	<i>1</i>
	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	955 (9/5/16) 2114 (03/10/19) 2555 (18/11/19) 1448 (18/6/20) 1376 (28/6/24)	32.000	19.100				25.073	18.800		8.235	16.838	3.300	8.500	3.680	1.358		1
<b>C.2</b>	<b>CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>			<b>2.374.160</b>	<b>659.652</b>	-	-	-	<b>9.000</b>	<b>541.652</b>	<b>83.452</b>	<b>9.000</b>	<b>83.452</b>	-	-	-	<b>4.022</b>	<b>79.430</b>	<b>8</b>
<b>C.2.1</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI</b>			<b>2.031.300</b>	<b>520.300</b>	-	-	-	-	<b>521.300</b>	<b>74.100</b>	-	<b>74.100</b>	-	-	-	<b>2.000</b>	<b>72.100</b>	<b>5</b>
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC ĐÀO TẠO</b>			<b>95.000</b>	<b>30.000</b>	-	-	-	-	<b>30.000</b>	<b>24.100</b>	-	<b>24.100</b>	-	-	-	<b>500</b>	<b>23.600</b>	<b>1</b>
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<i>95.000</i>	<i>30.000</i>	-	-	-	-	<i>30.000</i>	<i>24.100</i>	-	<i>24.100</i>	-	-	-	<i>500</i>	<i>23.600</i>	<i>1</i>
	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	154 (16/01/23) 1550 (10/8/23)	95.000	30.000					30.000	24.100		24.100	-	-	-	500	23.600	1
<b>II</b>	<b>GIAO THÔNG</b>			<b>1.450.000</b>	<b>350.000</b>	-	-	-	-	<b>350.000</b>	<b>10.000</b>	-	<b>10.000</b>	-	-	-	-	<b>10.000</b>	<b>1</b>
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			<i>1.450.000</i>	<i>350.000</i>	-	-	-	-	<i>350.000</i>	<i>10.000</i>	-	<i>10.000</i>	-	-	-	-	<i>10.000</i>	<i>1</i>
	- Xây dựng cầu vượt sông Đáy nối tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thuộc tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình -Nam Định -Thái Bình -Hải Phòng	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	350 (23/02/23)	1.450.000	350.000					350.000	10.000		10.000	-	-	-	-	10.000	1
<b>III</b>	<b>Y TẾ, XÃ HỘI</b>			<b>486.300</b>	<b>140.300</b>	-	-	-	-	<b>141.300</b>	<b>40.000</b>	-	<b>40.000</b>	-	-	-	<b>1.500</b>	<b>38.500</b>	<b>3</b>
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			<i>286.400</i>	<i>48.400</i>	-	-	-	-	<i>49.400</i>	<i>38.500</i>	-	<i>38.500</i>	-	-	-	<i>1.000</i>	<i>37.500</i>	<i>2</i>
	- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2193 (25/1/22)	122.000	22.000					22.000	18.000		18.000	-	-	-	500	17.500	1
	- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 66 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	413 (03/3/23) 2463 (08/11/24)	164.400	26.400					27.400	20.500		20.500	-	-	-	500	20.000	1

Số TT	Danhs mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Nguồn NSDP đã được thông qua tại Nghị Quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành			Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		KH năm 2023 đã giao	KH năm 2024 đã giao	KH năm 2025
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			199.900	91.900	-	-	-	91.900	1.500	-	1.500	-	-	-	500	1.000	1	
	- Đầu tư xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	458 (08/3/23) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	199.900	91.900				91.900	1.500		1.500	-	-	-	500	1.000	1	
<b>C.2.2</b>	<b>ĐÓI ỨNG CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG</b>			14.860	1.352	-	-	-	1.352	1.352	-	1.352	-	-	-	1.022	330	1	
<b>I</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>			14.860	1.352	-	-	-	1.352	1.352	-	1.352	-	-	-	1.022	330	1	
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			14.860	1.352	-	-	-	1.352	1.352	-	1.352	-	-	-	1.022	330	1	
	- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định	Sở LĐ TB&XH	1862 (21/9/23)	14.860	1.352				1.352	1.352		1.352	-	-	-	1.022	330	1	
<b>C.2.3</b>	<b>CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÒN LẠI</b>			328.000	138.000	-	-	-	9.000	19.000	8.000	9.000	8.000	-	-	1.000	7.000	2	
<b>I</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>			150.000	50.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	1.000	1	
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			150.000	50.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	1.000	1	
	- Xây dựng nâng cấp một số đoạn đê, kè đê khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở trên tuyến đê hữu Hồng và các tuyến đê biển tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1096 (24/5/24)	150.000	50.000					1.000		1.000	-	-	-	-	1.000	1	
<b>II</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>			118.000	78.000	-	-	-	9.000	9.000	-	9.000	-	-	-	-	-	-	
<i>d</i>	<i>Công trình dự kiến khởi công mới năm 2025</i>			118.000	78.000	-	-	-	9.000	9.000	-	9.000	-	-	-	-	-	-	
	- Xây dựng Bệnh viện đa liệu tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2153 (29/9/16) 1653 (05/8/21) 679/UBND-VP5 (14/6/24)	118.000	78.000				9.000	9.000		9.000	-	-	-	-	-	-	
<b>III</b>	<b>VĂN HÓA</b>			60.000	10.000	-	-	-	10.000	7.000	-	7.000	-	-	-	1.000	6.000	1	
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			60.000	10.000	-	-	-	10.000	7.000	-	7.000	-	-	-	1.000	6.000	1	
	- Bảo quản, tu bổ, tôn tạo cụm di tích quốc gia đình - chùa Ngô Xá, Chùa Nê	Sở VH TT&DL	2545 (19/12/23)	60.000	10.000				10.000	7.000		7.000	-	-	-	1.000	6.000	1	